

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *22* /2020/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 10 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2021, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 và hủy danh mục các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 149/NQ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chính Phủ về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 140/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 78/BC-HĐND-KTNS ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Thông qua danh mục 615 dự án cần thu hồi đất năm 2021 với tổng diện tích 18.805,35 ha vì mục đích quốc phòng, an ninh và để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

(có Phụ lục 01 kèm theo)

2. Thông qua 15 trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất lúa năm 2021 với diện tích 69,18 ha trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

(có Phụ lục 02 kèm theo)

3. Hủy 76 danh mục các dự án cần thu hồi đất với tổng diện tích 433,48 ha đã quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

(có Phụ lục 03 kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2020 và hủy danh mục các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua danh mục bổ sung và điều chỉnh tên các dự án cần thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ mười bốn thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ TN và MT; Bộ TP (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thị Hằng



Phụ lục 01: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22 /2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
I	Thành phố Đồng Xoài	3.722,88								
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2018, 2019, 2020	2.565,15								
1	Thao trường, bãi tập cho Trường Quân sự địa phương	1,50	CLN + ONT	Tân Thành	525,00	525,00			Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 657/NQ-ĐU ngày 12/01/2018 của Đảng uỷ Quân sự tỉnh	
2	Thao trường huấn luyện (ấp 6, Tiến Hưng)	18,00	CLN	Tiến Hưng	4.500,00	4.500,00			Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Công văn đăng ký nhu cầu năm 2020 của Ban CHQS TP.Đồng Xoài	Đất của công ty cao su Đồng Phú
3	Căn cứ chiến đấu (KP Bưng Trang, Tiến Thành)	19,50	CLN	Tiến Thành	4.500,00	4.500,00			Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Công văn đăng ký nhu cầu năm 2020 của Ban CHQS TP.Đồng Xoài	Đất của công ty cao su Đồng Phú

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
4	Trụ sở Công an TP. Đồng Xoài, Trường Tiểu học Tân Bình và KDC dịch vụ hỗn hợp tại phường Tân Bình	17,31	CLN+ODT	Tân Bình	59.100,00		59.100,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2433/QĐ-UBND ngày 25/6/2018; Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
5	Mở rộng KCN Bắc Đồng Phú	149,00	CLN	Tiến Hưng					Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 3/6/2020 của UBND tỉnh v/v sửa đổi, bổ sung Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
6	Cụm công nghiệp Tiến Hưng 1	59,30	CLN	Tiến Hưng					Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 3/6/2020 của UBND tỉnh v/v sửa đổi, bổ sung Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
7	Văn phòng Công ty Thủy điện Thác Mơ	1,00	DGD	Tân Phú	3.500,00	3.500,00			Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	
8	Khu Du lịch Hồ Suối Cam (giai đoạn 2)	166,00	CLN+NHK+ONT+ODT và các loại đất khác	Tân Phú	479.940,00	479.940,00			Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 15/6/2018; Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 6/6/2019	
9	Trường Mầm non, Tiểu học, THCS và TĐC phường Tân Thiện	3,81	CLN+ODT+NHK	Tân Thiện	13.335,00		13.335,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 4352/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của UBND thị xã Đồng Xoài	
10	Đường Hai Bà Trưng nối dài (còn 07 hộ)	0,04	CLN+ODT	Tân Phú	115,00		115,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
11	Đường quy hoạch số 18 (từ Lê Duẩn đến Võ Văn Tần)	0,50	CLN+ODT+NHK+LUK và các loại đất khác	Tân Bình	3.000,00		3.000,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 1592/QĐ-UBND ngày 18/8/2013 của UBND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã; Công văn số 389/UBND-KT ngày 18/2/2019 của UBND tỉnh	
12	Đường số 11 (đoạn từ đường Phú Riêng Đỗ đến TTHC phường Tân Đồng)	2,55	CLN+NHK+ODT+LUK và các loại đất khác	Tân Đồng	8.925,00		8.925,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
13	Đường Nguyễn Huệ nối dài (TTVH Tân Đồng đến Hồ Xuân Hương)	6,90	CLN+ODT	Tân Đồng, Tân Phú	24.150,00		24.150,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
14	Đường Lý Thường Kiệt nối dài (Phú Riềng Đỏ đến Nguyễn Huệ)	1,85	CLN+ODT+NHK	Tân Đồng	6.475,00		6.475,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
15	Đường nối dài Đặng Thai Mai đến Lý Thường Kiệt	1,35	CLN+ODT+NHK	Tân Phú	4.725,00		4.725,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 12/06/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
16	Đường từ khu dân cư Phú Thanh đến đường Lý Thường Kiệt (hoán đổi đất)	0,05	CLN+ODT	Tân Phú	144,00		144,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
17	Đường tránh nội ô TP.Đồng Xoài - kết nối ĐT741 với QL14 (Đường Nguyễn Huệ)	9,80	CLN+ODT	Tân Xuân, Tân Thiện	34.300,00		34.400,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Công văn số 84/HĐND-KT ngày 13/4/2017 của HĐND tỉnh ; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
18	Đường quy hoạch số 1 (đoạn từ Nguyễn Huệ đến đường Lê Quý Đôn)	4,45	CLN+ODT+ LUK và các loại đất khác	Tân Thiện	15.575,00		15.575,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 1054/QĐ-UBND ngày 24/04/2014 và Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
19	Đường quy hoạch số 2 (Quốc lộ 14 đến đường Trần Quang Khải)	4,96	CLN+ODT+ NHK	Tân Thiện	17.360,00		17.360,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 3129/QĐ-UBND ngày 02/12/2017; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
20	Đường số 31 (đoạn tiếp giáp với đường Phú Riêng Đỏ)	1,40	CLN+ODT	Tân Bình	4.900,00		4.900,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
21	Đường vành đai phía Nam thành phố Đồng Xoài (qua 05 phường, xã)	41,01	CLN+ODT+LUA và các loại đất khác	Tân Thành, Tiến Thành, Tân Bình, Tân Xuân, Tân Thiện	134.400,00		134.400,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 1592/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	Điều chỉnh diện tích theo đăng ký của BQLDA TP so với NQ27
22	Đường dọc theo hai bên suối Tầm Vông	0,78	CLN	Tân Bình, Tân Xuân	2.730,00			2.730,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3549/QĐ-UBND ngày 5/9/2017 về phê duyệt đề án vận động giải tỏa xây bờ kè và làm đường 2 bên suối Tầm Vông giai đoạn 2017-2020	
23	Đường dọc theo hai bên suối Đồng Tiền	4,50	CLN	Tân Đồng, Tân Thiện, Tân Xuân	15.750,00			15.750,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2496/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 về phê duyệt đề án giải tỏa hành lang bảo vệ suối Đồng Tiền giai đoạn 2017-2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
24	Đường Trường Chinh (đoạn từ QL14 đến đường vành đai KCN Đồng Xoài III; dài khoảng 3km)	9,60	CLN+ODT+ONT+LUK và các loại đất khác	Tân Bình, Tiến Hưng	33.600,00		33.600,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
25	Đường Trần Phú nối dài (đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Phan Huy Ich)	1,70	CLN+ODT+NHK	Tân Phú	5.950,00		5.950,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
26	Đường vào khu nhà ở xã hội	1,28	CLN+ONT	Tiến Hưng	4.480,00	4.480,00			Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 3333/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh; Quyết định 1644/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh	
27	Đường nối từ khu nhà ở xã hội Tiến Hưng đến KCN ĐX III	2,56	CLN+ODT	Tiến Hưng	8.960,00		8.960,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
28	Đường Trần Hưng Đạo nối dài (từ đường Trần Phú đến Lê Duẩn)	1,68	CLN+ODT	Tân Phú	10.920,00		10.920,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của UBND tỉnh	
29	Đường đi vào nhà văn hóa khu phố Phước Hòa	0,10	CLN+ODT+ HNK	Tân Thiện	350,00		350,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Công văn số 2420/UBND-KT ngày 18/12/2018 của UBND thành phố Đồng Xoài	
30	Xây dựng đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa.	81,22	CLN +ONT	Tân Thành	284.270,00			284.270,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh	
31	Tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa (Đường số 30)	3,61	CLN+ODT+ HNK	Tân Bình	12.635,00	12.635,00			Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 18/10/2010 của UBND tỉnh;	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
32	Đường số 7 (đoạn còn lại) và một số tuyến khác thuộc KDC phía Bắc tỉnh lỵ	0,83	CLN+ODT	Tân Phú	2.905,00	2.905,00			Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh; Văn bản đăng ký số 248/BQLDA-KHTH ngày 17/8/2018 của Ban QLDA-ĐTVD cấp tỉnh	
33	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	15,16	CLN+ODT	Tân Bình, Tiến Hưng	53.060,00	53.060,00			Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh	
34	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 (đoạn Bàu Tru - Đồng Xoài)	5,10	CLN+ODT+ONT	Tiến Hưng, Tân Bình, Tân Xuân	17.850,00			17.850,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh;	
35	Đường từ Lý Thường Kiệt đến Hồ Xuân Hương	3,08	CLN+ODT	Tân Phú	10.780,00		10.780,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã (nay là UBND thành phố Đồng Xoài)	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
36	Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Âu Cơ)	0,73	CLN+ODT+HNK	Tân Phú	2.555,00		2.555,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
37	Đường dọc theo hai bên suối Cái Bè	3,82	CLN+HNK	Tân Bình, Tân Xuân	13.370,00			13.370,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2158/QĐ-UBND ngày 13/6/2018	
38	Đường dọc theo hai bên suối Mơ	0,18	CLN+HNK	Tân Phú	630,00			630,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	
39	Đường dọc theo hai bên suối Đá	9,00	CLN+HNK	Tân Xuân	31.500,00			31.500,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	
40	Đường dọc theo hai bên suối Tà Bàng	1,70	CLN+HNK	Tiến Thành	5.950,00			5.950,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
41	Xây dựng vỉa hè đường Nguyễn Huệ (đoạn từ QL14 đến đường Phú Riêng đồ)	4,19	CLN	Tân Xuân, Tân Thiện	14.665,00			14.665,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 2480a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh	
42	Đường vào trại giam An Phước	4,96	CLN	Tiến Hưng	17.360,00			17.360,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	
43	Đường hai bên suối Cầu Khì và suối Rinh, xã Tiến Hưng	2,25	CLN	Tiến Hưng	7.875,00			7.875,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Công văn 1024/UBND-KT ngày 12/6/2019 của UBND TP.Đồng Xoài	
44	Đường giao thông theo cơ chế đặc thù thiết kế mẫu (nhà nước và nhân dân cùng làm)	32,50	CLN	08 phường, xã	102.400,00			102.400,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
45	Xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	5,55	CLN+ODT	Tân Phú	14.175,00		14.175,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND tỉnh;	
46	Hệ thống thoát nước (từ đường quy hoạch số 2 đến suối Rặt); khoảng 550 m	4,05	CLN+ODT	Tân Thiện	14.175,00		14.175,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	
47	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài II	0,06	CLN	Tiến Thành	94,00			94,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của HĐND tỉnh Bình Phước	
48	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài III	0,31	CLN	Tiến Hưng	1.085,00	1.085,00			Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh;	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
49	Dự án Kè chống xói lở và đê chống lũ Suối Rạt	2,34	CLN+HNK+ODT	Tân Đồng, Tân Thiện	8.190,00	8.190,00			Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 25/6/2010 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư	
50	Hệ thống thoát nước bên hông Nhà văn hóa khu phố Tân Tiến, phường Tân Xuân	0,16	CLN	Tân Xuân	560,00			560,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	
51	Dự án thủy lợi Phước Hòa - Hạng mục ngập phát sinh lòng hồ	0,10	CLN	Tân Thành	350,00	350,00			Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh;	
52	Trạm 110kV Đồng Xoài 2 và nhánh rẽ đầu nối trạm 110kV Đồng Xoài 2	0,46	CLN	Tiến Thành	1.710,00	1.710,00			Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh;	
53	Chợ đầu mối nông sản tỉnh Bình Phước	10,00	CLN + phi nông nghiệp	Tiến Hưng	35.000,00	35.000,00			Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	



STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
54	Nghĩa trang nhân dân Đồng Xoài II tại ấp Bưng Sê, Tân Thành	5,50	CLN+NHK+ONT	Tân Thành	19.250,00		19.250,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3633/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND TX Đồng Xoài	
55	Dự án Khu đô thị mới Công viên trung tâm Đồng Xoài	49,36	LUK+CLN+ODT và các loại đất khác	Tân Bình	543.004,00			543.004,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 459/QĐ-UBND ngày 07/3/2017; Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 21/02/2018 của UBND tỉnh	
56	Khu dân cư và hồ điều hòa phường Tân Thiện	31,10	CLN+NHK+LUK+ODT và các loại đất khác	Tân Thiện	93.300,00			93.300,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 1939/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND thành phố Đồng Xoài	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
57	Khu đô thị mới kết hợp KDL nghỉ dưỡng hồ suối Cam	1.755,00	CLN	Tân Phú, Tiến Thành, Tân Thành	3.940.000,00			3.940.000,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Công văn số 389/UBND-KT ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh	
58	Nhà máy xử lý nước thải phường Tân Xuân (còn 1 hộ)	0,01	CLN+ODT	Tân Xuân	62,00	62,00			Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	
59	TTHC phường Tân Đồng (phần còn lại 05 hộ)	0,35	CLN+ODT	Tân Đồng	2.762,00		2.762,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Công văn số 1287/UBND-KTN ngày 27/4/2012 của UBND tỉnh BP; QĐ số 2641/QĐ-UBND ngày 01/8/2012	
b	Các dự án đăng ký mới 2021	1.157,73								
1	Trạm 110 kV Đồng Xoài 2 và nhánh rẽ đầu nối trạm 110 kV Đồng Xoài 2	0,73	CLN+ONT+ NHK và các loại đất khác	Tiến Hưng, Tân Thành					Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
2	Khu sơ tán nhân dân trong khu vực phòng thủ dân sự Tp Đồng Xoài	32,10	CLN	Tiến Thành	2.500,00		3.800,00		Kế hoạch 155/KH-UBND ngày 08/10/2020 của UBND tỉnh	
3	Xây dựng các tuyến đường số 2, số 3, số 4, số 5 và số 7 khu công nghiệp Đồng Xoài I	23,64	CLN+ODT+ONT+NHK và các loại đất khác	Tiến Thành, Tân Thành	7.574,00	7.574,00			Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	
4	Đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến đường Quy hoạch số 40)	7,58	CLN+ODT+NHK	Tân Phú, Tiến Thành	2.370,00		2.370,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	Điều chỉnh tên và diện tích so với Nghị quyết 04 theo Báo cáo số 496/BC-PTNMT ngày 16/9/2020
5	Xây dựng đường An Dương Vương (đường Quy hoạch 48) phường Tân Phú (đoạn từ Quốc lộ 14 đến đường Hồ Xuân Hương)	1,50	CLN+ODT+NHK	Tân Phú	4.560,00		4.560,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	Điều chỉnh tên và diện tích theo đăng ký của Ban QLDA TP so với Nghị quyết 04

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
6	Đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Vành đai)	1,84	CLN+ODT+NHK	Tiền Thành	6.370,00		6.370,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	Điều chỉnh tên và diện tích so với Nghị quyết 04 theo Báo cáo số 496/BC-PTNMT ngày 16/9/2020
7	Đường quy hoạch số 31	22,16	CLN+ODT+NHK	Tiền Thành, Tân Thành, Tân Bình	29.225,00		29.225,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	Điều chỉnh tên và diện tích so với Nghị quyết 04 theo Báo cáo số 496/BC-PTNMT ngày 16/9/2020
8	Đường quy hoạch số 34 (Hải Thượng Lãn Ông)	9,07	CLN+ODT+NHK	Tiền Thành, Tiến Hưng	18.000,00		18.000,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	Điều chỉnh tên và diện tích so với NQ 04 theo Báo cáo số 496/BC-PTNMT ngày 16/9/2020
9	Đường Trường Chinh (Đoạn từ QL14 đến đường vành đai 32m)	3,58	CLN+ODT+NHK	Tân Bình	3.990,00		3.990,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	Điều chỉnh tên và diện tích so với Nghị quyết 04 theo Báo cáo số 496/BC-PTNMT ngày 16/9/2020

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
10	Đường Phan Bội Châu	1,89	CLN+ODT+NHK	Tân Bình	6.615,00		6.615,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	
11	Đường quy hoạch số 21	6,49	CLN+ODT+NHK	Tân Bình	22.715,00		22.715,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	
12	Đường quy hoạch số 15	5,53	CLN+ODT+NHK	Tân Xuân	19.355,00		19.355,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	
13	Đường quy hoạch số 51	3,62	CLN+ODT+NHK	Tân Thiện	12.670,00		12.670,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	
14	Đường tránh QL14 (đoạn từ đường ĐT741 đến đường ĐT753)	17,69	CLN+ODT+NHK	Tân Xuân	61.897,00		61.897,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	
15	Đường quy hoạch số 50	3,14	CLN+ODT+NHK	Tân Thiện	10.972,00		10.972,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
16	Đường quy hoạch số 16	6,98	CLN+ODT+NHK	Tân Thiện	24.430,00		24.430,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	
17	Đường quy hoạch số 1	7,93	CLN+ODT+NHK	Tân Xuân, Tân Thiện	27.737,00		27.737,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	
18	Đường quy hoạch số 11	6,75	CLN+ODT+NHK	Tân Đồng	23.625,00		23.625,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	
19	Đường quy hoạch số 8	1,27	CLN+ODT+NHK	Tân Đồng	4.287,00		4.287,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	Điều diện tích so với Nghị quyết 04 theo Báo cáo số 496/BC-PTNMT ngày 16/9/2020
20	Đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Vành đai)	1,94	CLN+ODT+NHK	Tân Đồng	6.790,00		6.790,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
21	Đường Trường Chinh (Đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	1,98	CLN+ODT+NHK	Tiến Hưng	6.930,00		6.930,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	
22	Tuyến đường từ Khu nhà ở xã hội Tiến Hưng đến đường đi Bình Dương	3,20	CLN+ODT+NHK	Tiến Hưng	11.200,00		11.200,00		Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	
23	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại KDC phía Bắc tỉnh lỵ	1,00	CLN+ODT và các loại đất khác	Tân Phú	2.500,00	2.500,00			Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước; Văn bản số 119/HĐND ngày 18/5/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước	
24	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài I	0,68	CLN+NHK+ONT và các loại đất khác	Tân Thành	48,00	48,00			Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	
25	Đường dây 110kV trạm 110kV Phước Long - trạm 110kV Đồng Xoài	0,29	CLN+ODT và các loại đất khác	Tân Đồng, Tân Thiện, Tân Xuân	2.465,00			2.465,00	Nghị quyết 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; Công văn số 3627/TVĐ3-DD ngày 13/11/2019 của Cty CP tư vấn XD điện 3 - Tập đoàn điện lực VN	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
26	Lộ ra 110kV từ trạm 220 kV Chơn Thành	0,49	CLN+ONT và các loại đất khác	Tiến Hưng, Tân Thành	3.185,00			3.185,00	Nghị quyết 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; Công văn số 3413/PCPB-QLĐT ngày 21/11/2019 của Cty Điện lực Bình Phước	
27	Khu đô thị TMDV Tiến Hưng 1 (KDC Tiến Hưng 1)	64,00	CLN	Tiến Hưng					Nghị quyết 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; QĐ 1983/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước	Đất tập đoàn CNCS Việt Nam giao về cho tỉnh
28	Khu đô thị TMDV Tiến Hưng 2 (KDC Tiến Hưng 2)	38,00	CLN	Tiến Hưng					Nghị quyết 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; QĐ 1983/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước	Đất tập đoàn CNCS Việt Nam giao về cho tỉnh
29	Hạng mục: Nhà máy xử lý nước thải (thuộc Dự án xây dựng các tuyến đường số 2, số 3, số 4, số 5 và số 7 Khu công nghiệp Đồng Xoài I và Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồng Xoài I.	17,40	CLN	Tân Thành					Nghị quyết 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
30	Dự án Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn suối Dinh - KCN Đồng Xoài III)	3,68	CLN+DTL	Tiến Hưng, Tiến Thành		Ngân sách tỉnh			Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước	
31	Dự án Xây dựng đường nối Đường vòng quanh hồ Phước Hòa với KCN Đồng Xoài I	27,00	CLN+ONT+DGT+DTL+NTS	Tiến Thành, Tân Thành		Ngân sách tỉnh			Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước	
32	Dự án Xây dựng đường cấp theo đường dây 550kV đoạn Đồng Xoài - Đồng Phú	12,00	CLN+ONT+DGT+DTL+NTS	Tân Xuân, Tân Thiện		Ngân sách tỉnh			Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	
33	Dự án Xây dựng các hồ bậc thang Suối Cam (GD: Hồ Suối Cam 3)	100,00	CLN+ONT+DGT+DTL+NTS	Tiến Thành, Tân Thành		Ngân sách tỉnh			Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	
34	Xây dựng đường Quy hoạch số 35 (kết nối Đồng Phú – KCN Đồng Xoài I với hồ Suối Cam), thành phố Đồng Xoài	20,16	CLN+ONT+DGT+DTL+NTS	Tiến Hưng, Tiến Thành		Ngân sách tỉnh			Tờ trình 175/TTr-UBND ngày 08/10/2020 của UBND thành phố	
35	Xây dựng tuyến đường Vành đai suối Cam 1-2, kết nối Quốc lộ 14	51,68		Tân Phú, Tiến Thành		Ngân sách tỉnh được hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung Ương			Tờ trình 172/TTr-UBND ngày 01/10/2020 của UBND thành phố	Diện tích theo Báo cáo số 496/BC-PTNMT ngày 16/9/2020 là 17,64 ha

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
36	Xây dựng đường kết nối Đồng Phú-Đồng Xoài-Thuận Lợi	32,00		Tiên Hưng, Tân Xuân, Tân Thiện, Tân Đồng		Ngân sách tỉnh			Công văn số 1707/SKHĐT-ĐT ngày 25/9/2020 của Sở KH-ĐT	
37	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL.14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú	10,40		Tân Phú, Tiên Thành		Ngân sách tỉnh			Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND	
38	Xử lý cấp bách thoát lũ Suối Đá TP Đồng Xoài	17,00		Tân Xuân					Quyết định số 1661a/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của UBND tỉnh Bình Phước	
39	Đường vành đai (32 m) (từ đường vành đai 1 đến QL14)	4,0	CLN + phi nông nghiệp	Tân Đồng					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
40	Đường nông trường - DH507	40,84		Tiến Hưng					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt
41	Đường Võ Văn Tần nối dài	5,48		Tân Bình, Tiến Hưng					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt
42	Đường Nguyễn Bình	0,91		Tân Phú					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
43	Đường Trường Chinh (KCN ĐX III đến ngõ 245)	2,03		Tiền Hưng					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt
44	Đường số 39	34,69		Tân Phú, Tiến Thành, Tân Thành					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt
45	Đường số 35	14,39		Tiến Thành, Tiền Hưng					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
46	Đường vành đai 1	131,38		Tân Xuân, Tiến Hưng, Tiến Thành, Tân Thành					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt
47	Đường vành đai 2	79,16		Tân Xuân, Tiến Hưng, Tân Thành					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt
48	Đường vành đai phía Đông (từ suối Rạt - Đồng Phú đến QL14)	55,73		Tiến Hưng, Tân Xuân, Tân Thiện					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
49	Đường số 41	6,60		Tân Thành, Tiên Hưng					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt
50	Đường điện 110kV	15,03		Tân Xuân, Tiên Hưng					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt
51	Tuyến số 1	13,08		Tân Thành					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
52	Tuyến số 2	11,78		Tân Thành					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt
53	Đường Tân Phú - QL14	17,64		Tân Thành, Tiến Hưng					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt
54	Đường số 32	11,47		Tân Thành, Tiến Thành					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
55	Tuyến số 3	17,70		Tân Thành, Tiến Thành					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt
56	Đường vành đai phía Tây	33,30		Tân Thành, Tiến Thành					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt
57	Đường số 3	6,41		Tân Xuân, Tiến Hưng					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
58	Đường 246	11,95		Tiến Hưng					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt
59	Đường số 50	22,75		Tân Thiện, Tân Xuân, Tiến Hưng					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt
60	Đường vành đai phía Đông (từ đường số 16 đến đường liên xã (Thuận Phú)	22,33		Tân Thiện, Tân Đồng					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
61	Đường 354	7,24		Tiên Hưng					Kết luận số 15-TBKL/TU ngày 21/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Đồng Xoài; Kết luận số 35-TBKL/ TU ngày 28/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất theo quy hoạch được phê duyệt
62	Khu trụ sở cơ quan và dân cư phía bắc phường Tân Phú	29,47		Tân Phú					Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 16/4/2020	Thu hồi đất Ban QL Khu kinh tế và người dân (người dân sẽ được bồi thường bằng đất)
II	Huyện Chơn Thành	6.578,48								
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2018, 2019, 2020	5.301,01								
1	Đất TMDV dân cư Becamex	2.208,27	CLN	Xã Minh Thành, Thành tâm, Nha Bích, TT. Chơn Thành	1.908.875,00			1.908.875,00	Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
2	Khu công nghiệp và dân cư Becamex	2.425,00	CLN	Xã Minh Thành, TT. Chơn Thành	2.138.782,00			2.138.782,00	Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)	
3	Xây dựng đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	458,47	CLN	Xã Minh Thành, Minh Thắng, Minh Lập, Nha Bích	320.000,00	320.000,00			Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 12/07/2018)	
4	Xây dựng hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Becamex	40,00	CLN	Xã Nha Bích, Minh Thành	40.000,00	40.000,00			Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	
5	Lộ ra 110kV từ trạm 220kV Chơn Thành (4 mạch)	0,80	CLN	Xã Nha Bích, Minh Thành	112.033,00			112.033,00	Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	
6	Khu dân cư Minh Hưng	20,00	ONT+CLN	Xã Minh Hưng	170.000,00			170.000,00	Quyết định Chủ trương đầu tư: Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh; Quyết định số 1176/QĐ-SKHĐT-ĐKKD ngày 19/7/2019 của Sở KHĐT	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
7	Mở rộng TTHC huyện Chơn Thành	22,05	ODT, CLN, DGT, SON	TT. Chơn Thành	14.566,65		14.566,65		Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Chơn Thành về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019	
8	Trạm 110kV Becamex và đường dây đấu nối tỉnh Bình Phước	0,35	CLN	Xã Minh Thành, thị trấn Chơn Thành	140,00			140,00	Công văn số 3546/UBND-TH của UBND tỉnh	
9	Công trình đường dây 500kV Đức Hòa - Chơn Thành	0,61	CLN	Xã Minh Thành	24,40			24,40	Công văn số 3546/UBND-TH ngày 15/08/2014 của UBND tỉnh	
10	Xây dựng đường phí Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	55,34	ONT, CLN, DGT	Xã Minh Hưng, xã Minh Long	22.040,00	22.040,00			Quyết định 1645/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh	
11	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	3,50	ONT, CLN, DGT	Xã Minh Lập	200,00	200,00			Quyết định 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh	
12	Thu hồi một phần diện tích đất trường THCS Minh Hưng xây dựng nhà văn hóa ấp 3A	0,03	DGD	Xã Minh Hưng					Quyết định 1766/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh	
13	Lộ ra 110kV từ trạm 220kV Chơn Thành (2 mạch)	0,44	CLN	Xã Minh Thành, xã Nha Bích, xã Minh Thắng, xã Minh Lập	176,00			176,00	Công văn số 3007/UBND-TH ngày 10/10/2019 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
14	Đường dây 110kV Trạm 220kV Bến Cát - Trạm 220kV Chơn Thành	0,56	CLN	Xã Thành Tâm và thị trấn Chơn Thành	252,00			252,00	Quyết định số 3297/QĐ-EVNSPC ngày 14/11/2019 của Tổng Công ty Điện lực miền Nam	
15	Trạm 110kV Nha Bích và nhánh rẽ đầu nối trạm 110kV	0,54	CLN	Xã Nha Bích	216,00			216,00	Công văn số 3773/UBND-TH ngày 12/12/2018 của UBND tỉnh	
16	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào khu công nghiệp Becamex	40,00	CLN	Xã Minh Thành					QĐ 1685/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
17	Xây dựng vùng lõi căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật trong khu vực phòng thủ huyện Chơn Thành	25,05	CLN	Xã Minh Lập					Kết luận số 341-KL/TU ngày 26/8/2019 của Thường trực Tỉnh ủy Bình Phước	
b	Các dự án đăng ký mới 2021	1.277,47								
1	Đường N9 nối dài đến đường số 7 (đường N3 quy hoạch)	19,84	ODT+CLN	TT. Chơn Thành	14.512,00			14.512,00	Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)	
2	Khách sạn và khu dân cư văn phòng Tỉnh ủy	20,00	CLN	Xã Minh Hưng	10.000,00	10.000,00			Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)	
3	Mở rộng Khu công nghiệp Minh Hưng III	577,53	CLN	Xã Minh Hưng	231.012,00			231.012,00	Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
4	Nối tiếp hạ lưu mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc	4,16	CLN	Xã Minh Hưng	1.664,00			1.664,00	Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)	
5	Thu hồi bổ sung lòng hồ Phước Hòa	15,00	CLN	Xã Minh Lập, Nha Bích, Minh Thắng, Minh Thành	5.250,00	5.250,00			Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)	
6	Khu dân cư Minh Thành	20,00	ONT+CLN	Xã Minh Thành	10.400,00			10.400,00	Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017); Quyết định số 1176/QĐ-SKHĐT-ĐKKD ngày 19/7/2019 của Sở KHĐT	
7	Trạm biến áp 500KV	20,07	CLN	Xã Minh Thành	8.028,00			8.028,00	Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)	
8	Móng trụ đường dây 500KV đầu nối	0,09	CLN	Xã Minh Thành	34,00			34,00	Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
9	Móng trụ đường dây 220KV đầu nối	1,11	CLN	Xã Minh Thành, Nha Bích, Minh Hưng, Thành Tâm, TT, Chơn Thành	444,00			444,00	Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)	
10	Mương thoát nước và đường giao thông ngoài KCN và KDC Becamex Bình Phước (giai đoạn 2)	12,27	ONT, CLN, NTS, DTL, DGT	Xã Minh Thành	21.470,00	21.470,00			Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh	
11	Đường Đồng Hưu - Bàu Nàm	12,08	ONT, CLN, NTS, DTL, DGT	Xã Minh Thành	13.190,00	13.190,00			Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh	
12	Khu công nghiệp - Công ty TNHH MTV cao su Bình Long	515,47	CLN	Xã Minh Hưng					Công Văn số 763/CSBL-KHĐT ngày 28/7/2020 của Công ty TNHH MTV cao su Bình Long	
13	Trụ sở Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước	13,54	CLN	Xã Minh Lập					Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh	
14	Xây dựng các tuyến đường xuyên tâm để kết nối hình thành các phường của huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	11,60	CLN	TT. Chơn Thành	13.954,14		13.954,14		Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
15	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, trồng cây xanh, hệ thống thoát nước đường Phạm Hồng Thái, thị trấn Chơn Thành (dài 1,250 km)	2,81	CLN	TT. Chơn Thành					Quyết định số: 2764/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND huyện	
16	Đường giao thông dọc bờ kè suối Bến Đình	12,00	CLN	TT. Chơn Thành					Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND huyện	
17	Đường giao thông dọc bờ kè suối Đồi	10,40	CLN	TT. Chơn Thành					Quyết định số 279/QĐ-UBND 02/03/2016 của UBND huyện	
18	Bờ kè suối Bàu Bàng	9,50	CLN	TT. Chơn Thành					Quyết định số 912/QĐ-UBND 24/6/2020 của UBND huyện	
III	Huyện Bù Đăng	441,35								
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2018, 2019, 2020	406,50								
1	Xây dựng đường bê tông nhựa (bên cạnh Trụ sở BCHQS huyện) từ QL14 đến đường D1 nối dài	0,70	CLN; ODT	Đức phong	3.955,00		3.955,00		Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 07/8/2020 của HĐND huyện Thông qua dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương	
2	Xây dựng Trụ sở phòng cháy chữa cháy	1,27	CLN	Đức Phong	1.800,00	1.800,00			Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
3	Mở rộng chợ Bù Đăng	0,10	ODT; TMD	Đức Phong	4.000,00		4.000,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2020	
4	Trụ sở Công an huyện, huyện ủy (bao gồm sân vườn, khuôn viên) và các cơ quan khác	15,00	CLN; ODT	Đức Phong	15.000,00		15.000,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND tỉnh.	
5	Đường vành đai Nhà văn hóa thiếu nhi	0,40	CLN; ODT	Đức Phong	1.000,00		1.000,00		Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện	
6	Xây dựng khối trụ sở UBND xã Bom Bo tại điểm quy hoạch mới	1,00	CLN	Bom Bo	17.000,00		17.000,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND tỉnh	
7	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL14 xã Thọ Sơn đi xã Đăk Nhau	10,80	CLN; ONT	Thọ Sơn; Đăk Nhau	110.000,00	110.000,00			Quyết định 2210/QĐ-UBND ngày 4/9/2020 của UBND tỉnh	
8	Mở rộng Trường Mẫu giáo Phước Sơn	0,80	CLN	Phước Sơn	750,00		750,00		Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 09/1/2020; Quyết định số 1727/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 của UBND huyện Bù Đăng	
9	Dự án: Mở rộng Trường bán tại thôn 7, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (giai đoạn 3)	24,40	CLN; HNK; LUK: 8,3	Đoàn Kết	16.500,00			16.500,00	Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 25/4/2012 của UBND tỉnh Bình Phước	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
10	Doanh trại Ban CHQS huyện Bù Đăng	4,60	CLN	Đoàn Kết					Nghị quyết 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2021	
11	Trường mẫu giáo Hoa Sen	0,20	CLN; ONT	Đoàn Kết	400,00		400,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019	
12	Mở rộng Trường Tiểu học Kim Đồng	0,70	CLN; ONT(0,15)	Đức Liễu	1.000,00		1.000,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2020	
13	Cụm CN Minh Hưng 2	32,70	CLN	Minh Hưng	3.000,00			3.000,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2020	
14	Cụm CN Minh Hưng 1	43,40	CLN	Minh Hưng	217.000,00			217.000,00	Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh	
15	Mở rộng THCS Thọ Sơn	0,06	CLN	Thọ Sơn	200,00		200,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2020	
16	Bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt cho cụm xã Bình Minh, Bom Bo	2,80	CLN	Bình Minh	1.800,00		1.800,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2020	
17	Hồ chứa nước Daou2	3,00	CLN; ONT	Nghĩa Bình	24.000,00			24.000,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2020	
18	Hồ chứa nước Darana	0,50	CLN; HNK	Đức Liễu	37.000,00			37.000,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2020	
19	Đường điện đầu nối thủy điện Đức Thành	2,60	CLN	Minh Hưng	2.000,00			2.000,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
20	Xử lý sạt lở đoạn Km 16+000 đến Km 21 + 369 đường Sao Bọ - Đăng Hà	0,14	CLN	Thống Nhất	200,00	200,00			Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2020	
21	Thủy điện Thống Nhất	24,90	CLN	Thống Nhất	20.000,00			20.000,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2020	
22	Vùng nguyên liệu và Nhà máy chế biến hạt điều Mê công	200,00	CLN	Đức Liễu	200.000,00			200.000,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2020	
23	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	1,10	CLN	Nghĩa Trung	1.300,00		1.300,00		Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 09/1/2020 của H. Bù Đăng	
24	Xây dựng cầu dân sinh	0,45	CLN	Thọ Sơn	600,00	600,00			Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 23/9/2019	
25	Xây dựng cầu dân sinh	0,40	CLN	Phú Sơn					Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 23/9/2019	
26	Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng sóc Bom Bo	14,20	CLN, ONT	Bình Minh	350,00	350,00			Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND tỉnh Bình Phước	
27	Mở rộng, nâng cấp Đường vào xã Đồng Nai	1,00	ONT, CLN	Đồng Nai, Thọ Sơn, Đoàn Kết	5.425,00	5.425,00			Quyết định 857/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của UBND tỉnh Bình Phước	
28	Trường THPT Lương Thế Vinh	0,15	CLN	Bom Bo	313,00		313,00		Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND tỉnh Bình Phước	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
29	Khu dân cư thương mại chợ cũ Nghĩa Trung	5,00	ONT,CLN	Nghĩa Trung	586,00			586,00	Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND tỉnh Bình Phước	
30	Mở rộng nghĩa trang nhân dân huyện	4,00	CLN	Đoàn Kết	1.060,00		1.060,00		Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND tỉnh Bình Phước	
31	Khu trung tâm hành chính xã Đak Nhau	2,00	CLN,ONT	Đăk Nhau	904,00		904,00		Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND tỉnh Bình Phước	
32	Mở rộng trường Tiểu học	0,50	CLN	Phú Sơn	250,00		250,00		Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
33	Sân vận động xã	1,00	CLN	Đoàn Kết						Không bồi thường về đất
34	Nghĩa trang xã Đường 10	1,40	CLN	Đường 10	700,00		700,00		Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
35	Khu dân cư thôn 3 Minh Hưng	2,01	ONT+CLN	Minh hưng	1.208,00		1.208,00		Quyết định số 3401/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
36	Xây mới Mẫu giáo Sao Mai	1,00	CLN	Nghĩa Trung	500,00		500,00		Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
37	Mở rộng trường Tiểu học	0,60	CLN	Đoàn Kết	300,00		300,00		Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
38	Nghĩa địa thôn Sơn Tân, xã Phú Sơn	1,00	CLN	Phú Sơn	500,00		500,00		Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
39	Tiểu dự án tái định cư khu vực Đa Bông Cua	0,61	CLN	Thông Nhất	307,00	307,00			Quyết định số 3160/QĐ/UBND ngày 09/11/2009 của UBND tỉnh Bình Phước	
b	Các dự án phát sinh mới từ năm 2021	34,86								
1	Nâng cấp, mở rộng đường đôi Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong	1,70	CLN; ODT	Đức phong	10.000,00		10.000,00		Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 07/8/2020 của HĐND huyện	
2	Công trình thi công nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Đăk Woa, huyện Bù Đăng.	6,00	ODT; CLN	Đức phong	30.000,00		30.000,00		Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND huyện Bù Đăng	
3	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường TH Đăk Nhau	1,00	CLN	Đăk Nhau	6.000,00		6.000,00		Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 07/8/2020 của HĐND huyện	
4	Xây dựng đường thâm nhập nhựa đường số 4, số 6 nối tuyến thông qua chợ cũ 300 m, xã Đường 10	1,00	CLN	Đường 10	4.000,00		4.000,00		Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 07/8/2020 của HĐND huyện	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
5	Quy hoạch mới Sân Vận động	1,50	CLN	Đường 10	1.200,00		1.200,00		Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 07/8/2020 của HĐND huyện	
6	Quy hoạch khu dân cư, thương mại (Mở rộng chợ cũ) Đường 10	2,00	CLN; ONT	Đường 10	3.000,00		3.000,00		Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 07/8/2020 của HĐND huyện	
7	Quy hoạch mở rộng Nghĩa Trang	1,00	CLN	Đường 10	700,00		700,00		Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 07/8/2020 của HĐND huyện	
8	Khu dân cư thương mại Phú Sơn	10,00	CLN	Phú Sơn					Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh	
9	Bãi rác cụm xã Phú Sơn, Thọ Sơn, Đồng Nai	2,00	CLN	Thọ Sơn	60,00		60,00		Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND huyện	
10	Đường từ QL14 vào Thọ Sơn, Đắc Nhau	6,25	CLN	Đắc Nhau, Thọ Sơn	80.000,00	80.000,00			Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	
11	Nhà Văn hóa thôn 4	0,50	CLN	Đồng Nai						Không bồi thường về đất
12	Trạm Y tế xã Đồng Nai	0,20	CLN	Đồng Nai						Không bồi thường về đất
13	Nhà văn hóa thôn 5 và Nhà tránh lũ thôn 5	0,35	CLN	Đảng Hà						Không bồi thường về đất

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
14	Trạm 110kv Đức Liễu và ĐD 110kv trạm 110kv Bù Đăng - 110kv Đức Liễu	1,32	CLN	Minh Hưng; Nghĩa Bình; Nghĩa Trung	8.000,00			8.000,00	Nghị quyết 04/2020/QĐ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh.	
15	Lộ ra 110kv từ trạm 220kv Phước Long (2 mạch)	0,04	CLN	Nghĩa Trung				Tổng Cty Điện lực Miền Nam	Quyết định số 886/QĐ-BCT ngày 17/3/2017 của Bộ Công thương. Công văn số 2721/UBND-TH ngày 07/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước	
IV	Thị xã Phước Long	481,58								
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2018, 2019, 2020	376,90								
1	Cụm công nghiệp Long Giang	50,00	CLN	xã Long Giang	55.000,00	55.000,00			QĐ số 1931/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh	
2	Trung tâm thương mại Phước Tín	2,20	CLN, ONT	Xã Phước Tín	6.500,00			6.500,00	QĐ số 1931/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh	
3	Xây dựng đường vành đai 1 từ Long Điền - Long Phước, Long Giang qua Long Thủy (Phía bắc ĐT 741)	11,60	ONT, CLN	xã Long Giang, phường Long Phước, phường Sơn Giang	43.410,00		43.410,00		QĐ số 1931/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
4	Xây dựng đường vành đai 2 từ Phước Vĩnh P. Phước Bình đến Sơn Long P. Sơn Giang (phía nam ĐT741)	0,89	CLN	phường Sơn Giang, Phường Phước Bình	3.335,00		3.335,00		QĐ số 1931/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh	đã thực hiện xong đoạn qua phường Phước Bình
5	Khu di tích vườn cây lưu niệm Bà Nguyễn Thị Định - Khu di tích nhà tù Bà Rá	5,17	CLN	Phường Sơn Giang	5.687,00		5.687,00		QĐ số 1931/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh	
6	Khu di tích nơi ghi dấu tội ác Mỹ - Ngụy tại cầu Đắc Lung	0,40	DNL	Phường Thác Mơ					Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của UBND tỉnh Bình Phước	
7	Khôi phục lại nhà tù Bà Rá (CLN 6,09 ha)	6,09	CLN	Phường Sơn Giang	6.699,00		6.699,00		QĐ số 1931/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh	
8	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Long Giang (thôn An Lương)	5,80	CLN	Xã Long Giang	6.380,00		6.380,00		QĐ số 1931/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh	
9	Khu phố Thương mại Dịch vụ Long Phước (40 ha)	40,00	CLN	Phường Long Phước					QĐ số 1931/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh	
10	Dự án quần thể văn hoá - Cứu sinh núi Bà Rá	245,77	RDD	Phường Sơn Giang; xã Phước Tín					QĐ số 1931/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh	
11	Đường cứu nạn tại KP Sơn Long	0,17	CLN	Phường Sơn Giang	250,00		250,00		QĐ số 1931/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
12	Nâng cấp đường vòng Núi Bà Rá đến ngã ba Phước Quả	0,22	CLN	Phường Thác Mơ	240,00		240,00		QĐ số 1068/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của UBND thị xã Phước Long	
13	Đường Bù Xiết nối dài đến đường Vành đai 1	0,50	CLN	Xã Long Giang	550,00		550,00		QĐ số 1931/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh	
14	Khai thông ngập úng cánh đồng Sơn Long	8,03	CLN	Phường Sơn Giang; phường Long Thủy; xã Long Giang; phường	8.833,00		8.833,00		QĐ số 1931/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh	đã thực hiện xong địa bàn P. Sơn Giang, P Thác Mơ
15	Hội trường Khu phố 3	0,03	CLN	Phường Phước Bình	35,00		35,00		QĐ số 1931/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh	
16	Hội trường Khu phố Phước An	0,03	CLN	Phường Phước Bình	35,00		35,00		QĐ số 1931/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh	
b	Các dự án đăng ký mới 2021	104,68								
1	Khu công nghiệp Phước Bình - Phước Tín	50,00	CLN, ODT	Phường Phước Bình, xã Phước Tín	55.000,00	55.000,00			Đang khảo sát vị trí	
2	Nâng cấp mở rộng mặt đường, xây dựng HTTN đường Đinh Công Trứ (Đường Tư Hiền 2)	0,10	CLN	Phường Thác Mơ	120,00		120,00		QĐ số 1017/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 của UBND thị xã	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
3	Nâng cấp mở rộng mặt đường, xây dựng HTTN đường Nguyễn Trãi (Đường Nhơn Hòa 2)	0,36	CLN	xã Long Giang	396,00		396,00		QĐ số 1017/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 của UBND thị xã	
4	Đất quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, thương mại dịch vụ	43,95	CLN	Phường Long Phước (khu Long Điền)					Nghị quyết 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	Đất Tập đoàn CNCs Việt Nam giao về cho tỉnh
5	Nâng cấp đường vòng Núi Bà Rá đến ngã ba Phước Quả	0,22	CLN	Phường Thác Mơ	240,00		240,00		Nghị quyết 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	
6	Nâng cấp đường từ đường ĐT 759 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	0,64	ODT và CLN	Phường Phước Bình	1.300,00		1.300,00		Nghị quyết 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	
7	Nâng cấp đường vòng sân bay Phước Bình	0,02	ODT	Phường Long Phước	80,00		80,00		Nghị quyết 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	
8	Nâng cấp ĐT.741 đoạn từ cầu Thác Mạ đến Quốc lộ 14C, tỉnh Bình Phước	8,55	CLN+ONT VÀ CÁC LOẠI ĐẤT KHÁC	Phường Thác Mơ	2.200,00	2.200,00			Nghị quyết 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	
9	Nâng cấp mở rộng đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	0,40	CLN	Phường Long Phước, xã Long Giang	440,00		440,00		NQ số 11/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019	
10	Xây dựng đường và cải tạo hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	0,40	CLN	Phường Long Thủy	440,00		440,00		NQ số 15/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
11	Xây dựng hệ thống thoát nước từ trường mẫu giáo Phước Bình xuống hạ lưu	0,04	CLN	Phường Phước Bình	45,00		45,00		QĐ số 1017/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 của UBND thị xã	
V	Huyện Hớn Quản	1.154,06								
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2018, 2019, 2020	906,79								
1	Mỏ đá vôi Thanh Lương (198,06 ha trên 2 xã An Phú, Minh Tâm)	176,00	CLN	Xã An Phú	211.200,00			211.200,00	Quyết định số 1065/QĐ-TTg ngày 09/7/2010 của Thủ tướng CP, Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh	Đã thu hồi 45,6/176ha.
2	Đường điện 220KV Bình Long - Tây Ninh	0,34	CLN	Xã An Phú	408,00			408,00	Công văn số 3490/UBND-KHTH ngày 16/10/2014 của UBND tỉnh	Đã thu hồi đất, GPMB xong. Đăng ký để có căn cứ cho chủ đầu tư thuê đất
3	Mở rộng nghĩa địa ấp 3	1,00	CLN	Xã Đồng Nơ	800,00		800,00		Biên bản ngày 6/10/2017 giữa Công ty TNHH MTV cao su Bình Long và UBND huyện	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
4	Mỏ đá vôi Thanh Lương	22,06	CLN	Xã Minh Tâm	26.472,00			26.472,00	Quyết định số 1065/QĐ-TTg ngày 09/7/2010 của Thủ tướng CP, Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh	Đã thu hồi 6,8/22,06ha.
5	Đường điện 220KV Bình Long - Tây Ninh	0,14	CLN	Xã Minh Tâm	168,00			168,00	Công văn số 3490/UBND-KHTH ngày 16/10/2014 của UBND tỉnh	Đã thu hồi đất, GPMB xong. Đăng ký để có căn cứ cho chủ đầu tư thuê đất.
6	Đường điện Phước An - Tân Quan	2,17	CLN	Xã Phước An	1.736,00		1.736,00		BQLKKT tỉnh đăng ký, được thông qua tại Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất
7	Trường Tiểu học Phước An B	1,50	CLN	Xã Phước An	1.200,00		1.200,00		Biên bản ngày 16/10/2017 giữa Công ty TNHH MTV cao su Bình Long và UBND huyện, QĐ số 1780 ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất
8	QH chợ	1,69	CLN	Xã Tân Hiệp	5.070,00		5.070,00		Công văn số 1366/UBND-KSX ngày 20/8/2019 của UBND	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
9	Trường Tiểu học Tân Hưng B	2,00	CLN	Xã Tân Hưng	1.600,00		1.600,00		Biên bản ngày 16/10/2017 giữa Công ty TNHH MTV cao su Bình Long và UBND huyện, QĐ số 1780 ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất
10	Đường điện tổ trung, hạ thế	1,70	CLN	Xã Tân Hưng	1.360,00		1.360,00		Công văn số 119/UBND-KSX ngày 03/10/2018 của UBND huyện	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất
11	Bãi rác Tân Hưng	2,00	CLN	Xã Tân Hưng	1.600,00		1.600,00		BQLKKT tỉnh đăng ký, được thông qua tại Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất.
12	Dự án thành phần 03, dự án LRAMP	0,13	CLN	Xã Tân Hưng	156,00	156,00			Quyết định số 643/QĐ-TCĐBVN ngày 25/3/2019 của Tổng cục đường bộ	BQLDA tỉnh đăng ký
13	Căn cứ hậu cần kỹ thuật BCHQS huyện Hón Quản	30,00	CLN	Xã Tân Hưng	24.000,00	24.000,00			Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh, Quyết định số 428 ngày 13/02/2018 của Bộ Tư lệnh QK7	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
14	Khu công nghiệp Tân Khai II	160,00	CLN	Thị trấn Tân Khai	128.000,00			128.000,00	Công văn số 2162/TTg-KTN ngày 26/11/2015 của Thủ tướng CP	Đất của BQLKKT, không bồi thường về đất
15	Đường từ QL13 vào KCN Tân Khai II	2,70	CLN, ODT	Thị trấn Tân Khai	16.200,00	16.200,00			Công văn số 2508/UBND-KT ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh, Công văn số 3071/UBND-KT ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh	
16	Trục chính Bắc Nam nối dài (Giai đoạn 1)	2,90	CLN	Thị trấn Tân Khai	17.400,00		17.400,00		Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 của UBND tỉnh	Đã thu hồi 2,67/ 2,9ha
17	Trục chính Bắc Nam (giai đoạn 3), TTVH-TDTT huyện Hớn Quản và đường Đông Tây 9	11,70	CLN, ONT	Thị trấn Tân Khai	70.200,00		70.200,00		Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 của UBND tỉnh	Đã thu hồi 11,49/ 11,7ha
18	Đường Đông Tây 7 nối dài	0,03	CLN	Thị trấn Tân Khai	180,00		180,00		Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 của UBND tỉnh	Trước bỏ chủ trương nhưng nay Khu dân cư Tân Khai triển khai lại nên cần thiết đưa vô

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
19	Nghĩa trang Tân Lợi	2,00	CLN	Xã Tân Lợi	1.600,00		1.600,00		BQLKKT tỉnh đăng ký, được thông qua tại Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất
20	Mở rộng Trường THCS Tân Lợi	0,16	CLN	Xã Tân Lợi	320,00		320,00		Công văn số 1811/UBND-KSX ngày 14/11/2017 của UBND huyện	
21	Trường mầm non Trà Thanh	1,00	CLN	Xã Thanh An	800,00		800,00		Biên bản ngày 16/10/2017 giữa Công ty TNHH MTV cao su Bình Long và UBND huyện, QĐ số 1780 ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất
22	Đất phát triển công trình công cộng	241,95	CLN	Xã Thanh Bình	193.560,00			193.560,00	Công văn số 4184 ngày 04/12/2014 của UBND tỉnh, BQLKKT đăng ký	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, không bồi thường về đất.
23	Nhà máy điện mặt trời GRANDSOLAR	60,00	CLN	Xã An Khương	90.000,00			90.000,00	Công văn số 1895/UBND-KT ngày 03/7/2019 của UBND tỉnh	Doanh nghiệp đăng ký từ năm 2019
24	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành-Hoa Lư	32,76	CLN, ONT, DGT	Xã An Phú	17.985,24	17.985,24			Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
25	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành-Hoa Lư	24,57	CLN, ONT, DGT	Xã Đồng Nơ	13.488,93	13.488,93			Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh	
26	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành-Hoa Lư	49,14	CLN, ONT, DGT	Xã Minh Tâm	26.977,86	26.977,86			Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh	
27	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành-Hoa Lư	32,76	CLN, ONT, DGT	Xã Tân Hiệp	17.985,24	17.985,24			Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh	
28	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành-Hoa Lư	24,57	CLN, ONT, DGT	Xã Minh Đức	13.488,93	13.488,93			Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh	
29	Hỗ trợ phát triển biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	1,05	CLN, ONT, DGT	Xã Tân Lợi	49,98	49,98			Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh, BQLDA tỉnh đăng ký	
30	Xây dựng móng trụ đường dây Bình Long 2-Srok Phu Miêng	0,10	CLN	Xã Thanh An	150,00			150,00	Công văn số 939/UBND-KSX ngày 05/6/2019 của UBND huyện	Hiện còn 1 móng trụ chưa thu hồi đất được nên năm 2020 đưa vô
31	Hỗ trợ phát triển biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	4,72	CLN, ONT, DGT	Xã Thanh An	224,67	224,67			Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh, BQLDA tỉnh đăng ký	
32	Hỗ trợ phát triển biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	4,72	CLN, ONT, DGT	Xã Tân Hưng	224,67	224,67			Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh, BQLDA tỉnh đăng ký	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
33	Trạm 220KV Bình Long 2-Trạm 110KV Bình Long	0,11	CLN	Xã Phước An	165,00			165,00	Công văn số 2802 ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh, Công văn 1481 ngày 26/5/2020 của Công ty Điện lực Bình Phước	
34	Trạm 220KV Bình Long 2-Trạm 110KV Bình Long	0,11	CLN	Thị trấn Tân Khai	165,00			165,00	Công văn số 2802 ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh, Công văn 1481 ngày 26/5/2020 của Công ty Điện lực Bình Phước	
35	Trạm 220KV Bình Long 2-Trạm 110KV Bình Long	0,11	CLN	Xã Tân Lợi	165,00			165,00	Công văn số 2802 ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh, Công văn 1481 ngày 26/5/2020 của Công ty Điện lực Bình Phước	
36	Cầu Long Tân-Tân Hưng	8,90	CLN	Xã Tân Hưng	13.350,00	13.350,00			Quyết định số 2316 ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh	
b	Các dự án đăng ký mới năm 2021	247,27								
1	Nhà văn hóa, khu vui chơi giải trí xã An Phú	2,02	CLN	Xã An Phú	1.616,00		1.616,00		Biên bản ngày 16/10/2017 giữa Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long và UBND huyện Hớn Quản	Đất cao su không bồi thường về đất

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
2	Khu dân cư phía Tây thị xã Bình Long	5,60	CLN	Xã An Phú	4.480,00	4.480,00			Thông báo số 195 ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh, Công văn số 1039 ngày 06/5/2020 của Sở Xây dựng	Đất cao su không bồi thường về đất
3	Xin giao về địa phương để quản lý	10,07	CLN	Xã Minh Đức	8.056,00		8.056,00		Biên bản ngày 16/9/2020 giữa UBND huyện và BQLKKT, Tờ trình số 144/TTr-UBND ngày 30/9/2020 của UBND huyện	Đất BQLKKT, Không bồi thường về đất
4	Vùng lõi căn cứ hậu cần kỹ thuật thị xã Bình Long	25,53	CLN	Xã Phước An	20.424,00	20.424,00			Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh, Quyết định số 431/QĐ-BTL ngày 13/02/2018 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7	Đất cao su không bồi thường về đất
5	Cụm công nghiệp Lê Vy-Tân Khai	20,00	CLN, ODT	Thị trấn Tân Khai	120.000,00	120.000,00			Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh	
6	Xây dựng mương thoát nước ngoài Khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	3,58	CLN, DTL, NTS	Thị trấn Tân Khai	6.270,00	6.270,00			Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh	
7	Khu dân cư phía Đông thị xã Bình Long	13,40	CLN	Xã Tân Lợi	10.720,00	10.720,00			Thông báo số 195 ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh	Đất cao su không bồi thường về đất

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
8	Xin giao về địa phương để quản lý	13,41	CLN	Xã Tân Lợi	10.728,00		10.728,00		Biên bản ngày 16/9/2020 giữa UBND huyện và BQLKKT, Tờ trình số 144/TTr-UBND ngày 30/9/2020 của UBND huyện	
9	Khu Tái định cư thuộc TTHC xã Tân Lợi	1,62	CLN, ONT	Xã Tân Lợi	2.430,00		2.430,00		Quyết định số 2394/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của UBND huyện	
10	Khu đô thị mới Nam An Lộc	91,00	CLN	Xã Thanh Bình	72.800,00	72.800,00			Công văn số 1157/UBND-KT ngày 23/4/2020 của UBND tỉnh	
11	Cụm công nghiệp Thanh Bình	20,00	CLN	Xã Thanh Bình	60.000,00	60.000,00			Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh	
12	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương	6,50	LUC	An Khương	1.700,00		1.700,00		Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh, Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh	
13	Đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan	16,00	CLN, ONT, ODT	Phước An, Tân Khai, Tân Quan	65.713,00		65.713,00		Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
14	Trạm biến áp 110KV Tân Hưng và đường dây 110KV nhánh rẽ đầu nối Trạm biến áp 110KV Tân Hưng	0,24	CLN	Phước An, Tân Khai, Tân Quan	288,00			288,00	Quyết định số 866/QĐ-BCT ngày 17/3/2017 của Bộ Công Thương Công văn số 3285 ngày 22/10/2020 của Công ty Điện lực Bình Phước	
15	Nâng cấp đường vào cầu Huyện ủy và đường Khu phố 1, thị trấn Tân Khai	0,20	CLN	thị trấn Tân Khai	300,00		300,00		Công văn số 244/UBND-KTHT ngày 04/3/2020 của UBND huyện	
16	Khu dân cư Thanh Bình	16,50	CLN	Xã Thanh Bình					Công văn số 989/UBND-KT ngày 10/4/2020	Đất của Công ty Cao su không bồi thường về đất
17	Xây dựng mương thoát nước ngoài Khu công nghiệp Việt Kiều	1,60	CLN, ONT, DTL, DGT	Xã Thanh Bình	10.650,00	10.650,00			Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh	
VI	Huyện Bù Gia Mập	563,78								
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2018, 2019, 2020	322,86								
1	Xây dựng Đồn Biên phòng Đăk Bô - BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	4,80	RSX	xã Bù Gia Mập					Nghị quyết 22/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019	Không bồi thường
2	Nhà máy mỏ Công ty TNHH MTV CS Phước Long	8,50	RSX	xã Bù Gia Mập					Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
3	Cầu Đắc Mai	0,11	CLN:0,10; ONT:0,01	xã Bù Gia Mập	300,00		300,00		Quyết định số 643/QĐ-TCĐBVN ngày 25/3/2019 của Tổng cục đường bộ Việt Nam	
4	Dự án thành phần 03; dự án xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh	0,12	CLN:0,10; ONT:0,02	xã Bù Gia Mập	120,00	120,00			Quyết định số 643/QĐ-TCĐBVN ngày 25/3/2019 của Tổng cục đường bộ Việt Nam	
5	Khu di tích văn hóa thác Đắc Mai 1	2,35	CLN: 0,64; RPH: 0,58; RSX: 0,12; SON: 1,01	xã Bù Gia Mập	1.000,00	1.000,00			Quyết định số 1679 ngày 6/8/2014 Công nhận di tích cấp tỉnh;	
6	Xây dựng đường giao thông thôn Bình Hà 1, Bình Hà 2 đi thôn Bình Thủy	0,02	CLN	xã Đa Kia	50,00		50,00		Quyết định số 2137/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của UBND huyện Bù Gia Mập	
7	Khu đô thị TMDV Đa Kia	37,55	CLN	xã Đa Kia				35.000,00	Công văn số 393/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 18/7/2019 của Tập đoàn CNCS Việt Nam	Bồi thường tài sản gắn liền với đất
8	Nghĩa địa thôn Bình Hà 2	1,00	CLN	xã Đa Kia	500,00		500,00		Công văn số 650/UBND-SX ngày 13/9/2018 của UBND huyện Bù Gia Mập	
9	Xây dựng Đồn biên phòng Đắc O (783) - BCH Bộ đội Biên	10,19	RSX	xã Đắc O					Thông báo số 219/TB-UBND ngày 17/8/2018 của UBND huyện Bù Gia Mập	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
10	Trường mầm non Ánh Dương	0,90	TMD	xã Đắc Ô	400,00		400,00		Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
11	Điểm dân cư biên giới xã Đắc Ô	1,00	RSX	xã Đắc Ô	500,00		500,00		Công văn số 2268/BCH-VP ngày 29/11/2019	
12	Chợ Đắc Ô	1,25	CLN: 1,20; ONT: 0,05	xã Đắc Ô	2.000,00		2.000,00		Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
13	Dự án di dời và ổn định dân di cư tự do ra khỏi lâm phần rừng phòng hộ BQLRPĐ Đăk Mai	33,27	RSX	xã Đắc Ô					Quyết định 266/QĐ-UB ngày 02/2/2010	Không bồi thường
14	Xây dựng đường thôn 6 xã Đắc Ô đi Bù Gia Mập	4,32	CLN	Đắc Ô; Bù Gia Mập	800,00		800,00		Quyết định 567/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND huyện Bù Gia Mập	
15	MR. Trường tiểu học Nguyễn Huệ (thôn trung son)	0,12	CLN	xã Đức Hạnh	250,00		250,00		UBND huyện Bù Gia Mập đang ban hành chủ trương	
16	Mở rộng UBND xã Đức Hạnh	0,60	CLN	xã Đức Hạnh	1.500,00		1.500,00		Công văn 686/UBND-SX ngày 12/9/2019 của UBND huyện Bù Gia Mập	
17	NC.ĐT.741 đoạn từ cầu Thác Mệ đến QL.14C	19,95	CLN:18,0;ONT:1,95	Đức Hạnh; Phú Nghĩa	5.000,00	5.000,00			Quyết định 1659/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của UBND tỉnh	
18	Phát triển kinh tế xã hội Địa Phương	27,74	CLN	Huyện Bù Gia Mập					Công văn 1045/UBND-KT ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
19	Khu căn cứ hậu cần kỹ thuật (vùng lõi)	13,60	CLN	xã Phú Nghĩa	2.600,00		2.600,00		Quyết định 878/QĐ-BTL ngày 30/4/2018 của BTL Quân khu 7	
20	Mở rộng Công an huyện	0,70	CLN	xã Phú Nghĩa	400,00		400,00		Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
21	Khu Dân Cư khu 6_TTHC	2,13	CLN	xã Phú Nghĩa	2.000,00		2.000,00		Công văn 78/UBND-KT ngày 20/2/2019 của UBND huyện Bù Gia Mập	
22	Công ty CP Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	20,00	RSX	xã Phú Nghĩa	12.000,00			12.000,00	Nghị quyết 22/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019	
23	Khu dân cư và khu phức hợp - trung tâm hành chính huyện	2,00	CLN	xã Phú Nghĩa	600,00		600,00		Quyết định 2042/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND huyện Bù Gia Mập	
24	Khu dân cư và khu phức hợp - trung tâm hành chính huyện	5,00	CLN	xã Phú Nghĩa	1.500,00		1.500,00		Quyết định 2042/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND huyện Bù Gia Mập	
25	Dự án di dời và ổn định dân di cư tự do, BQL RPH Bù Gia Phúc	36,50	RSX	xã Phú Nghĩa					Công văn 1452/UBND-SX ngày 22/5/2008	
26	Trạm biến áp 110KV Bù Gia Mập và nhánh rẽ đầu nối trạm 110 KV Bù Gia Mập	0,53	CLN	xã Phú Văn	500,00		500,00		Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
27	Trung tâm TĐTT xã Phú Văn	1,00	CLN	xã Phú Văn	500,00		500,00		Quyết định 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
28	Mở rộng chợ Phú Văn	1,13	CLN	xã Phú Văn	7.000,00		7.000,00		Quyết định 2071/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND huyện Bù Gia Mập	
29	Hồ chứa nước thôn 6 Khắc Khoan	75,90	LUK:36,42; CLN:38,40; HNK:0,18; SON:0,90	Phú Văn; Phú Nghĩa	70.000,00			70.000,00	Quyết định 4427/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017 của Bộ NN&PTNT	
30	Xây dựng đường và cầu từ ĐT.759 đến trung tâm xã Phước Minh (PM.M3)	4,20	CLN	xã Phước Minh	1.000,00		1.000,00		Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh	
31	Mở rộng Điểm trường mẫu giáo Hòa Mỹ	2,00	CLN	xã Phước Minh	1.000,00		1.000,00		Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
32	Xây dựng đường dây tải điện từ thôn Bình Giai đến thôn Bình Tiến 2 xã Phước- Minh	2,40	CLN	xã Phước Minh	1.200,00		1.200,00		Biên bản ngày 29/5/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường	
33	Xây dựng đường thôn Bù Tam - Bình Giai, xã Phước Minh	0,98	CLN	xã Phước Minh	50,00		50,00		Quyết định 1727/QĐ- ngày 03/10/2019 của UBND huyện Bù Gia Mập	
34	Nghĩa địa thôn Bình Tân	1,00	CLN	xã Phước Minh	500,00		500,00		Công văn số 650/UBND-SX ngày 13/9/2018 của UBND huyện Bù Gia Mập	
b	Các dự án đăng ký mới năm 2021	240,92								

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
1	Thu hồi đất làm bãi rác xã Bình Thắng	1,30	CLN	Xã Bình Thắng	1.300,00		1.300,00		Thông báo số 161/TB-UBND ngày 02/07/2020 của UBND huyện Bù Gia Mập	
2	Thu hồi đất xây dựng hội trường thôn 7, xã Bình Thắng	0,10	CLN	Xã Bình Thắng	100,00		100,00		Thông báo số 161/TB-UBND ngày 02/07/2020 của UBND huyện Bù Gia Mập	
3	Xây dựng đường từ QL 14C đi thôn Bù Nga, xã Bù Gia Mập (ĐH, 02 nâng cấp lên ĐT 760B)	3,00	CLN	Xã Bù Gia Mập	1.500,00		1.500,00		Nghị quyết 16/NQ-HĐND ngày 20/07/2020 HĐND huyện Bù Gia Mập	
4	Trường THPT Đăk Mai	4,50	CLN	Xã Bù Gia Mập	2.000,00	2.000,00			QĐ 2567/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của UBND tỉnh Bình Phước	
5	Khu dân cư, định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại thôn Đăk Á, xã Bù Gia Mập	9,50	ONT	Xã Bù Gia Mập	2.500,00		2.500,00		QĐ 1598/QĐ-UBND ngày 25/08/2020 của UBND huyện Bù Gia Mập	
6	Bãi rác tập trung xã Đa Kì	2,00	CLN	Xã Đa Kì	1.400,00		1.400,00		Thông báo số 347/TB-UBND ngày 02/10/2020 của UBND huyện Bù Gia Mập	
7	Đất quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ	37,55	CLN	Xã Đa Kì	10.000,00	10.000,00			Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của UBND tỉnh Bình Phước	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
8	Khu dân cư Đa Kìa	8,04	CLN	Xã Đa Kìa	1.500,00		1.500,00		Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước	
9	Điểm trường TH Đình Bộ Lĩnh thôn Bù Bưng	0,50	CLN	Xã Đăk Ô	700,00		700,00		Thông báo số 317/TB-UBND ngày 15/9/2020 của UBND huyện Bù Gia Mập	
10	Điểm trường Trương Định thôn 4	0,60	CLN	Xã Đăk Ô	600,00		600,00		Thông báo số 317/TB-UBND ngày 15/9/2020 của UBND huyện Bù Gia Mập	
11	Đường giao thông nối liền từ trường THCS Đăk Ô về thôn 4 xã Đăk Ô	1,00	CLN	Xã Đăk Ô	1.000,00		1.000,00		Thông báo số 317/TB-UBND ngày 15/9/2020 của UBND huyện Bù Gia Mập	
12	Đường giao thông: tuyến từ ngã ba thôn 7 đến hồ thủy lợi số 6 dài 1,2km	1,20	CLN	Xã Đăk Ô	1.000,00			1.000,00	Công văn số 244/VPĐP ngày 18/09/2020 của văn phòng Điều phối XD nông thôn mới tỉnh Bình Phước	
13	Đường giao thông: Nối tiếp tuyến ĐÔ-15 từ QL 14C vào cầu khỉ thôn Bù Xia dài 1,5km	1,50	CLN	Xã Đăk Ô	1.200,00			1.200,00	Công văn số 244/VPĐP ngày 18/09/2020 của văn phòng Điều phối XD nông thôn mới tỉnh Bình Phước	
14	Đường giao thông: Nối tiếp tuyến ĐÔ-01 từ Bù Bưng-thôn 4-Bãi rác-Phù Nghĩa dài 1,5km	1,50	CLN	Xã Đăk Ô	1.500,00			1.500,00	Công văn số 244/VPĐP ngày 18/09/2020 của văn phòng Điều phối XD nông thôn mới tỉnh Bình Phước	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
15	Đường giao thông: Nối tiếp tuyến ĐO-05 từ ngã ba thôn 10 đi đội 3 thôn 10 dài 1,0km	1,00	CLN	Xã Đăk Ô	1.000,00			1.000,00	Công văn số 244/VPĐP ngày 18/09/2020 của văn phòng Điều phối XD nông thôn mới tỉnh Bình Phước	
16	Đường giao thông: Nối tiếp tuyến ĐO-16 từ đội 2 thôn 9 đến tiếp giáp tuyến từ Đăk Lim đi Bù Bưng dài 2,2km	2,20	CLN	Xã Đăk Ô	1.500,00			1.500,00	Công văn số 244/VPĐP ngày 18/09/2020 của văn phòng Điều phối XD nông thôn mới tỉnh Bình Phước	
17	Xây dựng chợ Đăk Ô	0,20	DCH	Xã Đăk Ô	2.000,00		2.000,00		Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 09/09/2019 của UBND huyện Bù Gia Mập	
18	Xây dựng kết cấu hạ tầng TTHC xã Đức Hạnh	1,10	CLN	Xã Đức Hạnh	1.000,00		1.000,00		Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 20/07/2020 của HĐND huyện Bù Gia Mập	
19	Xây dựng điểm trường thôn Sơn Trung, xã Đức Hạnh	2,00	CLN	Xã Đức Hạnh	2.000,00		2.000,00		Công văn số 1030/UBND-SX ngày 31/12/2019 của UBND huyện Bù Gia Mập	
20	Khu căn cứ Hậu cần kỹ thuật	13,60	CLN	xã Phú Nghĩa	7.000,00	7.000,00			Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của UBND tỉnh Bình Phước	
21	Xây dựng trường TH Hoàng Diệu xã Phú Nghĩa	1,50	CLN	xã Phú Nghĩa	1.500,00		1.500,00		Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của HĐND Huyện Bù Gia Mập	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
22	Xây dựng đường vành đai TTHC huyện	8,50	CLN	xã Phú Nghĩa	8.500,00	8.500,00			Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 20/07/2020 của HĐND huyện Bù Gia Mập	
23	Xây dựng đập làm hồ nước cung cấp cho TTHC huyện và đường đầu nối tuyến đường ĐT 760 chạy qua TTHC	60,00	CLN, LUA: 06 ha	xã Phú Nghĩa	30.000,00	30.000,00			Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/07/2020	
24	Xây dựng các tuyến đường TTHC huyện	3,00	CLN	xã Phú Nghĩa	3.000,00		3.000,00		Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của HĐND huyện Bù Gia Mập	
25	Khu dân cư chợ Phú Nghĩa (cũ) TTHC huyện	0,30	CHO	xã Phú Nghĩa	500,00		500,00		Thông báo số 343/UBND-KT ngày 13/05/2020 của UBND huyện Bù Gia Mập	
26	Khu dân cư trường TH Phú Nghĩa	3,70	CLN	xã Phú Nghĩa	2.000,00		2.000,00		Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 16/06/2020 của UBND huyện Bù Gia Mập	
27	Khu dân cư và khu phức hợp thương mại dịch vụ	9,52	CLN	xã Phú Nghĩa	5.000,00		5.000,00		Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh Bình Phước	
28	Khu dân cư 4, TTHC huyện	11,96	CLN	xã Phú Nghĩa	5.000,00		5.000,00		Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 16/06/2016 của UBND huyện Bù Gia Mập	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
29	Khu dân cư 6,17 ha cho CBCNV Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long (cũ)	6,17	CLN	xã Phú Nghĩa	5.000,00		5.000,00		Tờ trình số 20/TTr-CSBP ngày 15/7/2020 của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước	
30	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 760 từ ngã tư ĐT741 đến cầu Đắc O, xã Phú Văn (tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh-Phú Văn từ ĐT 741 đến ngã tư quốc tế, xã Phú Văn (tuyến 2)	18,00	CLN	Xã Phú Nghĩa, Phú Văn, Đức Hạnh	15.000,00	15.000,00			Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của HĐND huyện Bù Gia Mập	
31	Bãi rác xã Phú Văn	5,00	CLN	Xã Phú Văn	3.500,00		3.500,00		Thông báo số 347/TB-UBND ngày 02/10/2020 của UBND huyện Bù Gia Mập	
32	Nghĩa địa xã Phú Văn	5,00	CLN	Xã Phú Văn	3.500,00		3.500,00		Thông báo số 347/TB-UBND ngày 02/10/2020 của UBND huyện Bù Gia Mập	
33	Chợ Phú Văn	2,50	CLN	Xã Phú Văn	2.500,00			2.500,00	Thông báo số 347/TB-UBND ngày 02/10/2020 của UBND huyện Bù Gia Mập	
34	Khu dân cư xã Phước Minh	7,40	CLN	Xã Phước Minh	1.500,00		1.500,00		Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước	



STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
35	Mở rộng lòng hồ thủy điện Đắk U	5,98	CLN	Phú Nghĩa	6.000,00			6.000,00	Cộng văn số 1020/UBND-SX ngày 25/12/2019 của UBND huyện Bù Gia Mập	
VII	Thị xã Bình Long	405,73								
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2018, 2019, 2020	261,24								
1	Nâng cấp mở rộng DT752 đoạn thị xã đi trường chuyên Bình Long	1,71	CLN, HNK, ODT	Phường An Lộc	410,00		410,00		Quyết định 329/QĐ - UBND ngày 12/02/2017	
2	Đường mương song song đường ALT13 khu phố An Bình qua thửa 223;224;232;237;240 tờ số 23	0,02	CLN	Phường An Lộc	9.000,00		9.000,00		Quyết định 329/QĐ - UBND ngày 12/02/2017	
3	Mương từ đường bê tông đến đường ĐoànThị Điểm - ĐT 752	0,04	CLN	Phường An Lộc	18.000,00		18.000,00		Quyết định 329/QĐ - UBND ngày 12/02/2017	
4	Đường Bùi Thị Xuân nối dài (320m)	0,34	CLN, HNK	Phường An Lộc	99.000,00		99.000,00		Quyết định 329/QĐ - UBND ngày 12/02/2017	
5	Khu dân cư phía Tây thị xã Bình Long	8,23	CLN	Phường An Lộc, Hưng Chiến	2.672,01	2.672,01			Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017, Công văn số 528/BQL-QHXS ngày 02/8/2017 của Ban QLKKT	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
6	Mở rộng Trường tiểu học Thanh Bình	1,14	CLN	Hưng Chiến	481,50		481,50		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017 Quyết định 577/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND thị xã	
7	Trường THPT Bình Long	9,00	CLN	Phường Hưng Chiến	4.050,00	4.050,00			Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017, Công văn số 528/BQL-QHXD ngày 02/8/2017 của Ban QLKKT	
8	Khu đô thị mới Nam An Lộc	94,36	CLN	Phường Hưng Chiến, Phú Đức	33.911,00	33.911,00			Quyết định 329/QĐ - UBND ngày 12/02/2017	
9	Xây dựng mương thoát nước 1,6 m thửa 23, TBĐ 51	0,01	CLN	Phú Đức	5.000,00		5.000,00		Quyết định 329/QĐ - UBND ngày 12/02/2017	
10	Khu dân cư phía Đông thị xã Bình Long	5,51	CLN	Phường Phú Thịnh, Phú Đức	2.484,00	2.484,00			Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017, Công văn số 528/BQL-QHXD ngày 02/8/2017 của Ban QLKKT	
11	Chợ Thanh Lương	0,79	CLN	Xã Thanh Lương	173,80		173,80		Quyết định 329/QĐ - UBND ngày 12/02/2017	
12	Đường Thanh Xuân - Thanh Sơn (2000m)	1,20	CLN	Xã Thanh Phú	264,00		264,00		Quyết định 329/QĐ - UBND ngày 12/02/2017	
13	Dự án vùng đệm Nhà máy xi măng Bình Phước	2,14	CLN	Xã Thanh Lương	600,00			600,00		

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
14	Sắp xếp, bố trí các khu dân cư trên đất cao su đã giao địa phương.	4,67	CLN	Phường Phú Đức, Phú Thịnh					QĐ 2072/QĐ-UBND ngày 11/5/2013 của UBND tỉnh	
15	Xây dựng, nâng cấp đường Hai Bà Trưng nối dài	2,00	CLN	Phường Phú Thịnh	800,00		800,00		Thông báo 425-TB/KL ngày 7/5/2018 của Thường trực Thị Ủy	
16	XD đường từ ngã 3 cây sung đến môt tiếp giáp 3 mặt Phú Thịnh, Thanh Phú và Tân Lợi (HQ)	1,60	CLN	Phú Thịnh	640,00		640,00		Kết luận số 292-KL/TU ngày 04/5/2019 của Tỉnh ủy Bình Phước	
17	Xây dựng đường bờ kè cấp suối từ đường Bà Triệu đến khu mỏ đá Phú Lạc	0,70	CLN	Phường Phú Thịnh	0,00				Thông báo 425-TB/KL ngày 7/5/2018 của Thường trực Thị Ủy	
18	Đường dây 110 kV trạm 220 kV Bình Long 2 – Bình Long	2,66	CLN	Xã Thanh Lương, Thanh Phú	732,00		732,00		Sở Công thương đăng ký	
19	Trung tâm Văn hóa xã Thanh Phú	2,00	CLN	Xã Thanh Phú	550,00		550,00			
20	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài (đoạn từ QL 13 đến giáp ranh xã Tân Lợi, Hớn Quản)	9,60	CLN	Phường Phú Thịnh, xã Thanh Phú	20.000,00	20.000,00			Kết luận số 292-KL/TU ngày 04/5/2019 của Tỉnh ủy Bình Phước	
21	Đất công ty cao su giao về địa phương để thực hiện kết nối khu dân cư	15,00	CLN	Phường An Lộc, phường Hưng Chiến	2.250,00	2.250,00			Công văn 352 - KL/TU ngày 30/9/2019 của Tỉnh Ủy Bình Phước	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
22	Mở rộng tuyến đường giáp ranh giữa lô cao su nhà nước và các hộ dân từ tổ 1 đến tổ 4 thuộc Kp. Đông Phát (giáp ranh xã Thanh Bình, Hớn Quản)	2,27	CLN	Hưng Chiến	340,00		340,00		Công văn 664 - CV/TU ngày 24/5/2019 của Thị Ủy Bình Long	
23	Bổ sung dự án xây dựng cầu vượt tuyến băng tải Xi măng Bình Phước	0,73	ONT,CLN,H NK	Thanh Lương	3.000,00			3.000,00	Công văn 2355/HT1-QLDA ngày 18/11/2019 của Công ty Xi măng Hà Tiên 1	
24	Cụm công nghiệp Thanh Lương	20,00	CLN	Xã Thanh Lương	5.500,00	5.500,00			Quyết định 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh	
25	Bổ sung dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ thị xã Bình Long đến ngã ba Chiu Riu, huyện Lộc Ninh, theo hình thức BOT	0,50	ONT,CLN,H NK	Thanh Lương	7.000,00	7.000,00			Căn cứ công văn 3451/UBND-KT ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh Bình Phước	
26	Thu hồi lô đất của ông Nguyễn Đình Ân - khu dân cư Trường Quốc Quang để giữ lại cây me Tắt thuộc Di tích lịch sử trường Quốc Quang	0,02	ODT	Phú Thịnh	1.500,00			1.500,00	• Thông báo 1841/TB-UBND ngày 07/11/2019 của UBND thị xã Bình Long	
27	Cụm công nghiệp Thanh Phú	75,00	CLN	Xã Thanh Phú	5.500,00	5.500,00			QĐ 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
b	Các dự án đăng ký mới năm 2021	144,49								
1	Đất tập đoàn cao su giao về địa phương phát triển KTXH địa phương	8,07	CLN,	Phường Hưng Chiến					Công văn 1431/UBND-SX ngày 26/8/2020 của UBND thị xã Bình Long	Đất Công ty cao su không bồi thường đất, chỉ bồi thường tài sản
2	Dự án xây dựng mương thoát nước ngoài KCN Việt Kiều	0,65	CLN, SKC, DGT, ODT	Phường Hưng Chiến	10,65	10,65			Công văn 748/ BQLDA - KHTH ngày 30/9/2020 của Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước	
3	XD Cụm công nghiệp Hưng Chiến 2	70,00	CLN	Hưng Chiến					Công văn 762/CSBL - KHĐT ngày 28/7/2020	
4	KDC đường vành đai Hồ Sa Cát	0,50	ODT, CLN	phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long	1.000,00		1.000,00		Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND thị xã Bình Long về việc quy hoạch chi tiết điều chỉnh xây dựng tỷ lệ 1/500 KDC hồ sa cát phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long.	
5	Dự án: Nạo vét kênh và cống thoát nước trên địa bàn phường An Lộc và phường Hưng Chiến.	4,50	ODT, CLN	phường An Lộc, phường Hưng Chiến	5.000,00		5.000,00		Căn cứ Quyết định 1160/QĐ - UBND ngày 03/6/2016	



STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
6	Dự án: Vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước	1,00	ONT, CLN	xã Thanh Lương, thị xã Bình Long	1,50		1,50		Căn cứ Công văn số 1341/UB-KSX ngày 30 tháng 6 năm 2004 điều chỉnh hướng tuyến khu cầu vượt bằng tải công ty xi măng hà tiên I	
7	Dự án đường ĐT 752 đoạn từ thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long	2,00	ODT, CLN	phường Hưng Chiến, phường An Lộc thị xã Bình Long					Căn cứ Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND thị xã Bình Long về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long).	
8	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	7,30	CLN	P. Hưng Chiến, thị xã Bình Long	20.000,00	20.000,00			Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	
9	Nạo vét khơi thông dòng chảy suối tổ 9, 10 khu phố Xa Cam II	1,30	CLN	P. Hưng Chiến, thị xã Bình Long					Công văn số 2137/UBND-KT ngày 24/12/2019 của UBND thị xã Bình Long Về việc thuận chủ trương nạo vét khơi thông dòng chảy suối tổ 9, 10 khu phố Xa Cam II	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
10	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	7,30	CLN	P. Hưng Chiến, thị xã Bình Long	20.000,00	70,00			Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước	- Diện tích đất cho dự án 8,5ha
11	Nạo vét khơi thông dòng chảy suối tổ 9, 10 khu phố Xa Cam II	1,30	CLN	P. Hưng Chiến, thị xã Bình Long			ngân sách thị xã		Công văn số 2137/UBND-KT ngày 24/12/2019 của UBND thị xã Bình Long Về việc thuận chủ trương nạo vét khơi thông dòng chảy suối tổ 9, 10 khu phố Xa Cam II	
12	Nạo vét suối Kp. Phú Xuân, phường Phú Thịnh	2,50	CLN	Kp. Phú Xuân, phường Phú Thịnh			ngân sách thị xã			
13	Đường Trần Phú Nối dài (360m)	0,58	CLN	phường An Lộc	500,00		ngân sách thị xã			
14	Mương 2m từ ALT22 đến giáp ranh phường Hưng Chiến (Phú Tân)	0,01	CLN	phường An Lộc	20,00		ngân sách thị xã			
15	Mương 2m từ đường ALT1 đến suối qua thửa đất số 76	0,02	CLN	phường An Lộc	30,00		ngân sách thị xã			
16	Mương 2m từ đường ALT1 ngang qua đường ALT5 đến giáp mương hiện hữu (đôi Đồ Long) tờ bản đồ số 15	0,09	CLN	phường An Lộc	50,00		ngân sách thị xã			



STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
17	Mương nước từ đường ALT11 đến suối giáp ranh khu phố An Bình-Phú Trung	0,04	CLN	phường An Lộc	40,00		ngân sách thị xã			
18	Mương 2m từ đường ALT 1 đến suối qua thửa đất số 428 và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 12	0,01	CLN	phường An Lộc	10,00		ngân sách thị xã			
19	Mương 2m từ đường ALT1 đến suối qua thửa đất số 76 và thửa đất số 268 tờ bản đồ số 14	0,02	CLN	phường An Lộc	20,00		ngân sách thị xã			
20	Mương 2m từ đường đất (khu đất kho An Lạc) đến điểm đầu từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 18 đến hệ thống mương thoát nước đường Đoàn Thị Điểm qua thửa đất số 3 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 200, thửa 336	0,02	CLN	phường An Lộc	20,00		ngân sách thị xã			
21	Mương 2m từ đường đất đi qua các thửa số 27,29,31,32,38 tờ số 14 đến suối ranh giới giữa xã Thanh Phú-An Lộc	0,02	CLN	phường An Lộc	20,00		ngân sách thị xã			

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
22	Mương 2m từ đường đất đi qua các thửa số 43,54 tờ số 14 đến suối ranh giới giữa xã Thanh Phú-An Lộc	0,02	CLN	phường An Lộc	20,00		ngân sách thị xã		Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 27/10/2020 của UBND phường An Lộc	
23	Mương 3m từ đường ALT 16 đến suối	0,03	CLN	phường An Lộc	30,00		ngân sách thị xã			
24	Mương 3m từ đường ALT 16 đến suối qua thửa đất số 12,15 tờ 21	0,02	CLN	phường An Lộc	20,00		ngân sách thị xã			
25	Mương 3m từ đường ALT16 đến suối qua thửa đất số 222 tờ 21	0,03	CLN	phường An Lộc	30,00		ngân sách thị xã			
26	Trung tâm học tập cộng đồng	2,00	DGD	phường An Lộc	200,00		ngân sách thị xã			
27	XD cơ sở văn hóa khu phố Bình An	0,70	CLN	phường An Lộc	100,00		ngân sách thị xã			
28	Mương 1,4m từ đường ALT7 đến suối qua thửa đất số 37 tờ 21 và thửa đất 452 tờ bản đồ 21	0,17	CLN	phường An Lộc	170,00		ngân sách thị xã			
29	Mương 1,4m từ đường ALT7 đến suối qua thửa đất số 400 tờ 12 và thửa đất 394 tờ bản đồ 12	0,19	CLN	phường An Lộc	200,00		ngân sách thị xã			
30	Đất trụ sở khu phố Bình An	0,01	DGD	phường An Lộc	20,00		ngân sách thị xã			
31	Đất trụ sở ấp Sóc Du	0,07	CLN	phường An Lộc	60,00		ngân sách thị xã			

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
32	Đất trụ sở khu phố An Bình	0,32	CLN	phường An Lộc	300,00		ngân sách thị xã			
33	Đất trụ sở khu phố Phú Sơn (thuộc tờ bản đồ số 07)	0,02	CLN	phường An Lộc	20,00		ngân sách thị xã			
34	Đất trụ sở khu phố Phú Cường (thuộc tờ bản đồ số 05)	0,02	CLN	phường An Lộc	20,00		ngân sách thị xã			
35	Đất trụ sở khu phố Phú An (thuộc tờ bản đồ số 23)	0,04	CLN	phường An Lộc	40,00		ngân sách thị xã			
36	Đất trụ sở khu phố Bình Tân (thuộc tờ bản đồ số 23)	0,22	CLN	phường An Lộc	20,00		ngân sách thị xã			
37	Đất trụ sở khu phố Phú Bình	0,32	CLN	phường An Lộc	30,00		ngân sách thị xã			
38	Đất trụ sở khu phố Phú Trung	0,08	CLN	phường An Lộc	80,00		ngân sách thị xã			
39	Đất trụ sở khu phố Phú Tân	0,05	CLN	phường An Lộc	40,00		ngân sách thị xã			
40	Đất trụ sở Công an phường (thửa số 808, tờ bản đồ 23)	0,18	CLN	phường An Lộc	200,00		ngân sách thị xã			
41	Mương 1,4m từ đường ALT7 đến suối qua thửa đất số 37 tờ 21 và thửa đất 452 tờ bản đồ 21	0,17	CLN	phường An Lộc	200,00		ngân sách thị xã			

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
42	Mương 1,4m từ đường ALT7 đến suối qua thửa đất số 400 tờ 12 và thửa đất 394 tờ bản đồ 12	0,19	CLN	phường An Lộc	200,00		ngân sách thị xã			
43	Trụ sở khu phố Phú Lộc (Cũ)	0,02	TSC	phường Phú Đức	20,00		ngân sách thị xã		UBND phường Phú Đức đề nghị	
44	Trụ sở khu phố Phú Hòa II	0,06	ODT	phường Phú Đức	60,00		ngân sách thị xã		UBND phường Phú Đức đề nghị	
45	Trụ sở khu phố Phú Nghĩa	0,02	ODT	phường Phú Đức	20,00		ngân sách thị xã		UBND phường Phú Đức đề nghị	
46	Trụ sở khu phố Phú Trọng	0,10	CLN	phường Phú Đức	10,00		ngân sách thị xã		UBND phường Phú Đức đề nghị	
47	Trụ sở khu phố Phú Hòa I	0,03	ODT	phường Phú Đức	30,00		ngân sách thị xã		UBND phường Phú Đức đề nghị	
48	Trụ sở khu phố Phú Lộc	0,63	CLN	phường Phú Đức	70,00		ngân sách thị xã		UBND phường Phú Đức đề nghị	
49	Xin đất làm nhà văn hóa KP Bình Tây	0,10	CLC	phường Hưng Chiến			ngân sách thị xã			
50	Xin đất xây dựng trường tiểu học Thanh Bình (Kp Xa cam II).	1,40	CLC	phường Hưng Chiến			ngân sách thị xã			
51	Xây dựng đài tưởng niệm liệt sỹ xã Thanh Phú	0,40	CLN	xã Thanh Phú					Đất Quy hoạch TTVH cũ	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
52	Mở rộng tuyến đường giáp ranh giữa lô cao su nhà nước và các hộ dân tại tổ 02 ấp Thanh Hà, xã Thanh Phú (Lô 2014, 2019 NTQL)	0,56	CLN	xã Thanh Phú			ngân sách thị xã		UBND xã Thanh Phú đề nghị	Đất Công ty cao su
53	Mở rộng tuyến đường giáp ranh giữa lô cao su nhà nước và các hộ dân tại ấp Thanh Thủy, xã Thanh Phú (Lô 1/2013 NTXC)	0,12	CLN	xã Thanh Phú			ngân sách thị xã		UBND xã Thanh Phú đề nghị	Đất Công ty cao su
54	Mở rộng tuyến đường giáp ranh giữa lô cao su nhà nước và các hộ dân tại ấp Thanh Sơn, xã Thanh Phú (Lô 2010 NTXC)	0,47	CLN	xã Thanh Phú			ngân sách thị xã		UBND xã Thanh Phú đề nghị	Đất Công ty cao su
55	Mở rộng tuyến đường giáp ranh giữa lô cao su nhà nước và các hộ dân tại ấp Thanh Thủy, xã Thanh Phú (Lô 2013 NTXC)	0,54	CLN	xã Thanh Phú			ngân sách thị xã		UBND xã Thanh Phú đề nghị	Đất Công ty cao su
56	Mở rộng tuyến đường giáp ranh giữa lô cao su nhà nước và các hộ dân tại ấp Sóc Bể, xã Thanh Phú (Lô 2013 NTXC)	0,14	CLN	xã Thanh Phú			ngân sách thị xã		UBND xã Thanh Phú đề nghị	Đất Công ty cao su

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
57	Khu dân cư Thanh Bình	27,07	CLN	Hưng Chiến					Công văn số 989/UBND-KT ngày 10/4/2020	Đất Công ty cao su không bồi thường về đất
58	Mở rộng tuyến đường giáp ranh giữa lô cao su nhà nước và các hộ dân tại ấp Sóc Bưng, xã Thanh Phú (Lô 2019 NTQL)	0,75	CLN	Thanh Phú			ngân sách thị xã		UBND xã Thanh Phú đề nghị	Đất Công ty cao su
VIII	Huyện Phú Riềng	810,31								
a	Các dự án chuyển tiếp từ KHSDĐ các năm 2018, 2019, 2020 chuyển sang	101,35								
1	Cụm công nghiệp Phú Riềng	30,00	CLN	xã Phú Riềng	không bồi thường về đất				Nghị quyết số 23/NQ-HĐND T ngày 16/12/2019 và QĐ số 420/QĐ-UBND Tỉnh	* Thu hồi đất của Công ty Cao su nên không bồi thường về đất, chỉ bồi thường tài sản gắn liền với đất
2	Đường ĐT741 (mở rộng)	22,50	DGT, CLN, ONT	xã Bình Tân, Long Hưng, Bù Nho, Phú Riềng	11.188,53	11.188,53			Nghị quyết số 13/NQ-HĐND T ngày 14/12/2018, đã triển khai thực hiện.	Đất dân và đất công ty cao su

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
3	Đường cầu Long Tân Tân Hưng	9,60	DGT, CLN	xã Long Tân	2.281,66		2.281,66		Công văn số 208/HĐND-KT ngày 21/10/2019 của HĐND tỉnh BP về việc thống nhất chủ trương đầu tư xây dựng cầu Long Tân - Tân Hưng	Đất dân và đất công ty cao su
4	MR đường vào mỏ đá Lộc Linh	0,08	CLN	xã Phước Tân	300,00			Vốn doanh nghiệp	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh BP, GP khai thác KS số 07/GP_UBND ngày 15/1/2018	
5	Đường điện vào bãi rác huyện	6,00	CLN	xã Long Tân	1.261,44			Vốn doanh nghiệp	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh BP	Đất dân và đất công ty cao su
6	TTVH-TDĐT xã Long Bình (mới)	0,20	CLN	xã Long Bình	không bồi thường về đất			Vốn doanh nghiệp	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh BP, TB số 1293/TB-HU ngày 15/10/2018	
7	Đường điện trung thế tổ 2 thôn Phú An	0,80	CLN	xã Phú Trung	150,00			Vốn doanh nghiệp	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh BP, QĐ 2090/QĐ-UBND T ngày 05/9/2018	Đất dân và đất công ty cao su

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
8	Đường điện trung thế tổ 5 thôn Phú Tiến	1,20	CLN	xã Phú Trung	200,00			Vốn doanh nghiệp	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh BP, QĐ 2090/QĐ-UBND T ngày 05/9/2018	Đất dân và đất công ty cao su
9	MR đường GTNT xã Bình Tân	0,18	CLN	xã Bình Tân	không bồi thường về đất				Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh BP, Cv 37/UBND ngày 18/3/2019	Dân hiến đất, hỗ trợ tài sản trên đất
10	Bãi rác huyện	10,00	CLN	xã Long Tân	không bồi thường về đất				Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh BP, Điều chỉnh diện tích theo biên bản làm việc giữa UBND huyện và Công ty cao su	Thu hồi đất của Công ty "Cao su nên không bồi thường về đất, chỉ bồi thường tài sản gắn liền với đất Tiếp tục thực hiện trong năm 2021 vì là công trình trọng điểm của huyện

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
11	Nghĩa trang nhân dân xã Bình Tân	6,79	CLN	xã Bình Tân	816,40			816,40	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh BP	Bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất
12	Đất cần thu hồi khu TTHC huyện	12,15	CLN, NTS, ONT	xã Bù Nho	11.095,38		11.095,38		Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 22/4/2016 của HĐND tỉnh.	Bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất (Phần diện tích thu hồi của dân; phần đất của công ty cao su đã thu hồi 90 ha). Tiếp tục thực hiện trong năm 2021 vì là công trình trọng điểm của huyện
13	MR tuyến đường GTNT từ cầu Long Tân - Phú Riềng đi thôn 6 xã Long Tân	1,85	CLN	xã Long Tân	1.000,00		1.000,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh BP; CV số 1250/UBND-SX H ngày 02/10/2019	Bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất, người dân hiến đất. Đang thực hiện
b	Các dự án đăng ký mới trong KHSDD năm 2021	708,96								

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
1	Láng nhựa đường GTNT thôn Phước Hòa đi đường ĐT.741	0,20	CLN	xã Bình Tân	không bồi thường về đất			vốn nông thôn mới của UBND xã Bình Tân	Nghị quyết số 04/2020/HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND tỉnh	Thu hồi đất của Công ty Cao su nên không bồi thường về đất, chỉ bồi thường tài sản gắn liền với đất
2	Láng nhựa đường GTNT thôn Phước Hòa đi đường ĐT.741	0,42	CLN	xã Bình Tân	không bồi thường về đất			vốn nông thôn mới của UBND xã Bình Tân	Nghị quyết số 04/2020/HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND tỉnh	Thu hồi đất của Công ty Cao su nên không bồi thường về đất, chỉ bồi thường tài sản gắn liền với đất
3	Thu hồi đất để làm đường giao thông, hạ tầng (ông Nguyễn Trì; ông Vũ An Ninh và ông Trần Văn Quyết)	2,50	CLN	xã Bình Sơn	không bồi thường về đất				Nghị quyết số 04/2020/HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh.	Dân hiến đất, hỗ trợ tài sản trên đất
4	Thu hồi đất để làm đường giao thông; đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất	9,60	CLN	xã Long Tân	không bồi thường về đất				Nghị quyết số 04/2020/HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh.	Dân hiến đất, hỗ trợ tài sản trên đất
5	Tuyến đường Tân Phú, ven hồ Bàu Lách, đường ĐT.741 đối diện nhà ông Huệ	13,20	CLN, NTS, ONT	xã Bù Nho	60.000,00		60.000,00		Nghị quyết số 04/2020/HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh.	Đất dân, Bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
6	Kè đá và cải tạo lòng hồ Bàu Lách gắn với phát triển du lịch Phú Riềng	83,30	CLN, NTS, MNC, ONT	xã Bù Nho	150.000,00		150.000,00		Nghị quyết số 04/2020/HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh.	Đất dân, Bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích hồ là 42 ha
7	Trạm 110 KV Phú Riềng và nhánh rẽ đầu nối trạm 110 KV Phú Riềng	6,04	CLN	xã Bù Nho, Long Tân	85.556,20			Vốn doanh nghiệp	Nghị quyết số 04/2020/HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh.	Đất dân và đất công ty cao su
8	Đường dây 110 KV trạm 110 KV Phước Long - Trạm 110KV Đồng Xoài	1,00	CLN	xã Bình Tân, Long Hưng, Bù Nho, Phú Riềng, Long Tân	175,20			Vốn doanh nghiệp	Nghị quyết số 04/2020/HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh.	Đất dân và đất công ty cao su
9	Dự án Trạm biến áp 220KV Phước Long và đường dây đầu nối	4,27	CLN	xã Bù Nho	60.489,27			Vốn doanh nghiệp	Nghị quyết số 04/2020/HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh.	Đất dân và đất công ty cao su
10	Trạm 110 KV Đức Liễu và ĐD 110KV trạm 110KV Bù Đăng - 110 KV Đức Liễu	2,70	CLN	xã Phú Trung	172.808,90			Vốn doanh nghiệp	Nghị quyết số 04/2020/HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh.	Đất dân và đất công ty cao su
11	Khu đô thị TMDV Bù Nho (KDC Bù Nho)	92,40	CLN	xã Bù Nho					Quyết định 1983/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh	
12	Khu đô thị TMDV Long Điền	29,80	CLN	xã Bình Sơn					Quyết định 1983/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
13	KDC Nam Phú Riềng	19,15	CLN, NTS, ONT, DGT	xã Phú Riềng	165.681,60			Vốn doanh nghiệp	Nghị quyết số 04/2020/HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh.	Đất dân, Bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất
14	Bãi rác xã Bù Nho	2,00	CLN	xã Bù Nho	1.800,00		1.800,00		Nghị quyết số 04/2020/HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh.	Đất dân, Bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất
15	Đất phát triển kinh tế xã hội địa phương	10,00	CLN	xã Phú Riềng	không bồi thường về đất				Nghị quyết số 04/2020/HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh.	Đất Tập đoàn CNCs Việt Nam giao về cho tỉnh
16	Đất quy hoạch phát triển các khu đô thị	261,60	CLN	xã Phú Riềng	không bồi thường về đất				Nghị quyết số 04/2020/HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh.	Đất Tập đoàn CNCs Việt Nam giao về cho tỉnh
17	Cụm công nghiệp Bù Nho	70,00	CLN	xã Bù Nho	không bồi thường về đất				QĐ số 420/QĐ-UBND Tỉnh	Thu hồi đất của Công ty Cao su nên không bồi thường về đất, chỉ bồi thường tài sản gắn liền với đất
18	Đường điện tổ 1 thôn Phú Tín	0,86	CLN	xã Phú Trung	150,00			Vốn doanh nghiệp	Công văn số 288/CV-UBND ngày 13/10/2020	Đất dân và đất công ty cao su
19	Lộ ra 110 KV từ trạm từ trạm 220kv Phước Long (2 mạch)	0,93	CLN	xã Bù Nho, Phước Tân	600,00			Vốn doanh nghiệp	Công văn 3222/PCBP-QLĐT ngày 20/10/2020 của Công ty Điện lực Bình Phước	Đất dân và đất công ty cao su

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
20	Lộ ra 110 KV từ trạm từ trạm 220kv Phước Long (4 mạch)	0,16	CLN	xã Bù Nho, Long Tân	200,00			Vốn doanh nghiệp	Công văn 3222/PCBP-QLĐT ngày 20/10/2020 của Công ty Điện lực Bình Phước	Đất dân và đất công ty cao su
21	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	19,00	DGT, CLN	xã Phước Tân, Long Tân, Bù Nho	9.000,00	9.000,00			Nghị quyết 11/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước ngày 13/7/2020	Đất dân và đất công ty cao su
22	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	7,00	CLN	xã Long Tân	5.000,00	5.000,00			Nghị quyết 11/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước ngày 13/7/2020	Đất dân và đất công ty cao su
23	Xây dựng Trường Mầm non phục vụ Khu công nghiệp Long Hà	0,23	CLN	xã Long Hà	1.000,00	1.000,00			Nghị quyết 11/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước ngày 13/7/2020	Đất dân và đất công ty cao su
24	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	8,00	DGT, CLN	xã Long Bình	4.000,00	4.000,00			Nghị quyết 11/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước ngày 13/7/2020	Đất dân và đất công ty cao su
25	Xây dựng đường kết nối 2 Khu công nghiệp xã Long Tân - Long Hà	7,00	DGT, CLN	xã Long Tân, Long Hà	4.000,00	4.000,00			Nghị quyết 11/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước ngày 13/7/2020	Đất dân và đất công ty cao su
26	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản)	26,00	DGT, CLN	xã Long Tân	5.000,00	5.000,00			Nghị quyết 11/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước ngày 13/7/2020	Đất dân và đất công ty cao su
27	Nâng cấp đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	29,00	DGT, CLN	xã Phú Riềng, Phú Trung, Phước Tân	8.000,00	8.000,00			Nghị quyết 11/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước ngày 13/7/2020	Đất dân và đất công ty cao su

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
28	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường N8 TTHC huyện Phú Riềng	1,70	DGT, CLN	xã Bù Nho	5.000,00		5.000,00		Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 của UBND huyện Phú Riềng	Đất thuộc khu TTHC huyện
29	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D10a, D10b, D10c, D10d, D10e TTHC huyện Phú Riềng	0,90	DGT, CLN	xã Bù Nho	3.000,00		3.000,00		Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 của UBND huyện Phú Riềng	Đất thuộc khu TTHC huyện
IX	Huyện Đồng Phú	2.446,56								
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2018, 2019, 2020	1.051,65								
1	Dự án Công trình QK1	19,77	CLN	X. Tân Tiến	24.101,00	24.101,00				
2	Xây dựng công trình khu vực phòng thủ huyện	49,00	RSX	X. Tân Hòa					Căn cứ QĐ1637/QĐ-BCH ngày 26/12/2012 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	
3	Dự án nâng cấp mở rộng ĐT 741	24,63	CLN	TT. Tân Phú, X. Tân Lập, X. Tân Tiến, X. Thuận Phú, X. Thuận Lợi	53.000,00	53.000,00				

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
4	Đường Đồng Phú - Bình Dương	68,37	CLN+DGT+NTS+SON	Xã Tân Phước, Tân Lợi, Tân Lập, Tân Hòa, Tân Hưng, Đồng Tâm	45.000,00			45.000,00	QH đã duyệt thực hiện trong giai đoạn 2017-2020. Theo CV 235/BC-SGTVT, 11/9/2015, dài 42 km, rộng 65 m (269,92 ha) Đã thu hồi 201,55 ha trong tổng số 269,92 ha	
5	Nâng cấp, mở rộng đường Cầu ông Ký đi Tổ 3, ấp Quân Y, xã Tân Lợi	3,30	CLN	X. Tân Lợi	1.080,00		1.080,00		Công văn số 2349/UBND-KT ngày 06/11/2017 của UBND huyện	
6	Xây dựng đường kết nối ĐT 753B	11,50	CLN, ONT	X. Đồng Tâm, X. Tân Phước	6.000,00	6.000,00			Công văn số 538/BQLDA-KHTH ngày 12/9/2019 của Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
7	Đường Đồng Tiến-Tân Phú	21,74	CLN, ONT	Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Phú	33.050,00	33.050,00			Công văn số 538/BQLDA-KHTH ngày 12/9/2019 của Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
8	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam Đồng Xoài	9,56	CLN, ONT	TT. Tân Phú, X. Tân Tiến	34.310,00	34.310,00			Công văn số 538/BQLDA-KHTH ngày 12/9/2019 của Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
9	Nâng cấp mở rộng ĐT 755	0,26	CLN, ONT	X. Tân Phước	300,00	300,00			Công văn số 538/BQLDA-KHTH ngày 12/9/2019 của Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
10	Mương thoát nước đường ĐT 741	0,10	CLN	X. Tân Tiến	450,00			450,00	Theo đề nghị của Công ty TNHH BOT ĐT 741 Bà Trư Đồng Xoài tại Công văn số 35/BTĐX-KHKT ngày 19/2/2019	Công trình phát sinh khi mở rộng đường ĐT 741
11	Mương thoát nước đường ĐT 741	0,09	CLN	X. Tân Lập	450,00			450,00	Theo đề nghị của Công ty TNHH BOT ĐT 741 Bà Trư Đồng Xoài tại Công văn số 35/BTĐX-KHKT ngày 19/2/2019	Công trình phát sinh khi mở rộng đường ĐT 741
12	Công trình "lộ ra Đường dây 110kV từ trạm 220kV Chơn Thành (02 mạch)	0,13	ODT+CLN	TT Tân Phú	500,00			500,00	Công văn số 3413/PCBP-QLĐT ngày 21/11/2019 của Tổng Công ty điện lực Miền Nam	
13	Công trình Đường dây 110kV trạm 110kv Phước Long - trạm 110kV Đồng Xoài	0,35	ONT+CLN	Xã Thuận Phú, Xã Thuận Lợi	500,00			500,00	Công văn số 3362/PCBP-QLĐT ngày 19/11/2019 của Tổng Công ty điện lực Miền Nam	
14	Tuyến đi qua Nông trường Cao su Tân Lập (Tuyến 1)	17,92	ONT+CLN	Xã Tân Lập	20.570,00	20.570,00			Thông báo số 1011/TB-UBND ngày 25/02/2020 của UBND huyện Đồng Phú	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
15	Tuyến đi qua Nông trường Cao su Tân Tiến (Tuyến 2)	63,70	ONT+CLN	Xã Tân Tiến	73.117,00	73.117,00			Thông báo số 1011/TB-UBND ngày 25/02/2020 của UBND huyện Đồng Phú	
16	Tuyến đi qua Khu QH dân cư mới xã Tân Tiến (Tuyến 3)	39,90	ONT+CLN	Xã Tân Tiến, xã Tân Hòa	45.798,00	45.798,00			Thông báo số 1011/TB-UBND ngày 25/02/2020 của UBND huyện Đồng Phú	
17	Tuyến đường kết nối TT. Tân phú - xã Tân Lợi và đường Đồng Phú - Bình Dương (Tuyến 4)	45,36	ONT+CLN	TT Tân Phú, xã Tân Lợi, xã Tân Hòa	52.066,00	52.066,00			Thông báo số 1011/TB-UBND ngày 25/02/2020 của UBND huyện Đồng Phú	
18	Tuyến đi qua Nông trường Cao su Tân Lợi (Tuyến 5)	7,36	ONT+CLN	Xã Tân Lập	8.448,00	8.448,00			Thông báo số 1011/TB-UBND ngày 25/02/2020 của UBND huyện Đồng Phú	
19	Đường tổ 47, xã Tân Lập	0,35	CLN	Xã Tân Lập	1.000,00		1.000,00		Thông báo số 902/TB-UBND ngày 14/02/2020 của UBND huyện Đồng Phú	
20	Đường Đông Tây 9 nối dài đến hồ Bà Mụ	0,50	CLN	TT Tân Phú	500,00		500,00		Công văn số 238/UBND-KT ngày 13/02/2020 của huyện Đồng Phú	
21	Đường Đông Tây 7	0,50	CLN	TT Tân Phú	500,00		500,00		Công văn số 238/UBND-KT ngày 13/02/2020 của huyện Đồng Phú	
22	Đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài đến cầu mới ấp Quân Y, xã Tân Lợi	0,50	CLN	TT Tân Phú	500,00		500,00		Công văn số 238/UBND-KT ngày 13/02/2020 của huyện Đồng Phú	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
23	Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến KCN Bắc Đồng Phú	1,89	CLN	TT Tân Phú	500,00		500,00		Công văn số 238/UBND-KT ngày 13/02/2020 của huyện Đồng Phú	
24	Đường Nguyễn Hữu Thọ đến đường Phạm Ngọc Thạch (Bắc Nam 2)	1,50	CLN	TT Tân Phú	500,00		500,00		Công văn số 238/UBND-KT ngày 13/02/2020 của huyện Đồng Phú	
25	Nâng cấp đường tổ 27 đến đường tổ 23 (Đông Tây 10)	0,45	CLN	TT Tân Phú	500,00		500,00		Công văn số 238/UBND-KT ngày 13/02/2020 của huyện Đồng Phú	
26	Đường Nguyễn Văn Linh nối dài đến đường Đông Tây 7	1,00	CLN	TT Tân Phú	500,00		500,00		Công văn số 238/UBND-KT ngày 13/02/2020 của huyện Đồng Phú	
27	Đường tổ 43 nối dài đến đường Tôn Đức Thắng (Đông Tây 14)	0,85	CLN	TT Tân Phú	500,00		500,00		Công văn số 238/UBND-KT ngày 13/02/2020 của huyện Đồng Phú	
28	Đường tổ Chùa Thanh Long nối dài đến đường Tôn Đức Thắng (Đông Tây 13)	1,89	CLN	TT Tân Phú	500,00		500,00		Công văn số 238/UBND-KT ngày 13/02/2020 của huyện Đồng Phú	
29	Đường vào trường mầm non Đồng Tiến	0,20	HNK	Đồng Tiến			500,00		Công văn số 675/UBND-KT ngày 27/3/2020 của UBND huyện Đồng Phú	
30	Thu hồi đất để phát triển kinh tế địa phương	10,98	CLN	Tân Tiến				10.000,00	Công văn số 1223/UBND ngày 28/4/2020	
31	Mở rộng Khu công nghiệp Nam Đồng Phú	528,00	CLN và các loại đất khác	Xã Tân Lập						
32	Mở rộng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	120,00	CLN và các loại đất khác	Thị trấn Tân Phú						

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
b	Các dự án đăng ký mới năm 2021	1.394,92								
1	Thu hồi đất của Trung tâm Y tế huyện giao về cho địa phương quản lý	0,01	DYT	TT Tân Phú					Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 03/6/2020 của UBND huyện Đồng Phú	
2	Đất quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, thương mại dịch vụ	156,00	CLN	Thuận lợi	23.400,00	23.400,00			Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh	
3	Đất quy hoạch phát triển các khu đô thị	552,48	CLN	Đồng Phú	82.872,00	82.872,00			Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh	
4	Đất quy hoạch phát triển các khu đô thị	192,00	CLN	Đồng Phú	28.800,00	28.800,00			Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh	
5	Cụm Công nghiệp Tân Tiến 1	55,90	CLN	Xã Tân Tiến	8.385,00			8.385,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	
6	Cụm Công nghiệp Tân Tiến 2	56,30	CLN	Xã Tân Tiến	8.445,00			8.445,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	
7	Cụm Công nghiệp Tân Phú	62,30	CLN	Thị trấn Tân Phú	9.345,00			9.345,00	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
8	Đường giao thông tổ 1, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú (Thu hồi đất của trung tâm y tế huyện chuyển mục đích sang đường giao thông)	0,06	DYT	TT Tân Phú	500,00		500,00		Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 03/6/2020 của UBND huyện Đồng Phú	
9	Khu dân cư Chợ Thuận Phú	7,50	CLN	xã Thuận Phú	1.125,00		1.125,00		biên bản làm việc ngày 16/6/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND huyện, Ban quản lý Khu kinh tế và Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	
10	Khu dân cư tập trung ấp 1, xã Tân Lập	7,96	CLN	xã Tân Lập	1.194,00		1.194,00		thông báo kết luận số 502-KL/TU ngày 07/8/2020 của Tỉnh ủy và Công văn số 2902/UBND-KT của UBND tỉnh.	
11	Khu dân cư tập trung ấp 4, xã Tân Lập	16,23	CLN	xã Tân Lập	2.434,50		2.434,50		biên bản làm việc ngày 16/6/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND huyện, Ban quản lý Khu kinh tế và Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
12	Khu dân cư tập trung kết hợp cơ quan hành chính nhà nước, trường học tại xã Tân Tiến	94,30	CLN	xã Tân Tiến	14.145,00	14.145,00			Công văn số 3219/UBND-KT ngày 10/9/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai Kết luận số 571-KL/TU ngày 21/8/2020 của Bí thư Tỉnh ủy	
13	Đường tổ 8	0,01	ODT	TT. Tân Phú	500,00		500,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	
14	Đường tổ 10	0,01	ODT	TT. Tân Phú	500,00		500,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	
15	Mở rộng chợ Đồng Tâm	0,05	CLN	X. Đồng Tâm	500,00		500,00		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	
16	Thu hồi đất của Công ty Cao su Đồng Phú giao về cho địa phương quản lý để xây dựng công trình phúc lợi xã hội	1,81	CLN	Thuận Lợi					Công văn số 132/CSĐP-KTNN ngày 02/3/2020 của Công ty CP Cao su Đồng Phú, Công văn số 2937/UBND-KT ngày của UBND huyện Đồng Phú	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
17	Khu TTHC huyện Đồng Phú mở rộng sang phía Tây hồ Bàu Cọp	192,00	CLN	TT Tân Phú					Thông báo số 3407-TB/TU ngày 09/3/2020; kết luận số 502-KL/TU ngày 07/8/2020 của Tỉnh ủy và Công văn số 2902/UBND-KT của UBND tỉnh	
X	Huyện Bù Đốp	190,83								
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2018, 2019, 2020	58,80								
1	chợ Hưng Phước	0,31	TSC	Xã Hưng Phước					Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSDD 2020	thu hồi đất Công ty Cao su, không bồi thường về đất
2	Công trình thủy lợi	5,00	CLN	Xã Tân Thành	950,00		950,00		Quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Bình Phước	
3	Dự án cấp nước sạch	0,11	CLN	Xã Tân Thành					Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	Vận động dân hiến đất
4	Dự án cấp nước sạch	0,04	CLN	xã Tân Tiến					Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	đất xã quản lý
5	Đập thủy lợi (ấp 4+5)	20,00	CLN	Xã Thanh Hòa	4.000,00	4.000,00				



STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
6	Dự án xây dựng cầu dân sinh (dự án LRAMP)	0,16	CLN	xã Thiện Hưng	4.181,25	4.181,25				
7	Nghĩa địa xã Tân Tiến	3,30	CLN	xã Tân Tiến					Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSDĐ 2020	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
8	Nhà văn hóa xã Hưng Phước	0,59	LUK	xã Hưng Phước	100,00		100,00		Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	
9	Nghĩa địa xã Hưng Phước	5,00	CLN	xã Hưng Phước					Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSDĐ 2020	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
10	Trường Mẫu giáo Hưng Phước	0,30	CLN	xã Hưng Phước					Quyết định số 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
11	Trường THCS Phước Thiện	1,50	CLN	xã Phước Thiện					Quyết định số 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
12	Trường Tiểu học Thiện Hưng B	0,30	CLN	xã Thiện Hưng					Quyết định số 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
13	Trường Tiểu học Thiện Hưng C	0,57	DVH	xã Thiện Hưng					Quyết định số 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	đất xã quản lý
14	Trường TH Thanh Hòa	0,15		xã Thanh Hòa					Quyết định số 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	đất xã quản lý
15	Mở rộng trường mẫu giáo Phước Thiện	0,40	CLN	Xã Phước Thiện					Quyết định số 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
16	Trường mẫu giáo phước thiện	1,00	CLN	Xã Phước Thiện	300,00		300,00		Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	
17	Trường mẫu giáo Tân Tiến	1,00	CLN	Xã Tân Tiến	300,00		300,00		Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	
18	Trường mẫu giáo Hưng Phước	1,00	CLN	Xã Hưng Phước	300,00		300,00		Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	
19	Mở rộng bệnh xá Quân dân y thuộc Trung đoàn 717	0,05	CLN	xã Thiện Hưng					• Thông báo số 125-TBKL/HU ngày 19/5/2017 của Huyện Ủy Bù Đốp	Đất công không bồi thường

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
20	Đồn Biên phòng Bù Đốp	6,40	CLN	Hung Phước	1.489,00			1.489,00	Quyết định số 291/QĐ-TM ngày 06/3/2017 của Bộ Tổng tham mưu	
21	Cổng Ông nhân 1 và Ông nhân 2	0,12	CLN, ONT DTL, DGT, LUC	Thanh Hòa	30,00		30,00		Quyết định số 643/QĐ-TCĐBVN ngày 25/3/2019 của Tổng cục đường bộ Việt Nam	Chi bồi thường tài sản trên đất
22	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B (Trung tâm xã Phước Thiện đến cửa khẩu Hoàng Diệu)	3,00	RSX; CLN	Hung Phước; PHước	10.000,00	10.000,00			Công văn số 133/HĐND-KT ngày 01/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước	
23	Đường Hùng Vương Nối Dài	2,50	LUK; CLN;ODT	TT. Thanh Bình	10.000,00	10.000,00			Công văn số 93/TTr-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện trình UBND huyện	
24	Đường Nguyễn Lương Bằng Nối dài	3,00	LUK; CLN;ODT	TT. Thanh Bình	20.000,00	20.000,00			Công văn số 93/TTr-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện trình UBND huyện	
25	Điểm dân cư liền kề chốt dân quân biên giới	3,00	CLN	xã Thanh Hòa, xã Thiện Hưng	800,00			800,00	QĐ số: 1152/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của UBND huyện	
b	Các dự án đăng ký mới năm 2021	132,03								

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
1	Đập Bù Tam	80,93	(0,38 ha ONT; 72,31 ha LNC; 7,280 ha LUC; TSN: 0,93ha; HL Đường, suối: 2,71 ha)	Hung Phước	70.000,00			70.000,00	QĐ số 4427/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017 bộ NNPTNT	
2	Điểm dân cư biên giới xã Tân Thành	1,00	LNC	Tân Thành	800,00	800,00			Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 28/02/2020	
3	Điểm dân cư biên giới xã Hưng Phước	3,00	LNC	Hung Phước	1.200,00	1.200,00			Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 28/02/2020	
4	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B (từ đồn biên phòng 789 đi sông măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu)	6,50	RSX; CLN	Hung Phước; Phước Thiện	35.000,00	35.000,00				
5	Nâng cấp đường ĐT 759B đoạn từ chỗ tân thành đi cửa khẩu Cầu Trắng	1,00	LNC; ONT	Tân Thành	40.000,00	40.000,00			Quyết định 2026/QĐ-UB ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh	
6	Xây dựng hệ thống kênh dẫn sử dụng nước sau thủy điện cần đơn cho cánh đồng Sóc nê, xã Tân Tiến	5,00	LUK; LNC	Thanh Hòa; Tân Tiến	30.000,00	30.000,00			Quyết định 2027/QĐ-UB ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh	
7	Điểm dân cư biên giới xã Phước Thiện	4,60	RSX	Phước Thiện	1.500,00	1.500,00			Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 28/02/2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
8	Phát triển kinh tế xã hội địa phương	30,00	CLN	huyện Bù Đốp					Thông báo 3407-TB/TU ngày 09/3/2020 của tỉnh ủy, Công văn số 1045/UBND-KT ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh	
XI	Huyện Lộc Ninh	2.009,78								
a	Các dự án chuyển tiếp từ các năm 2018, 2019, 2020	707,28								
1	Đường tránh QL13	54,20	CLN	Xã Lộc Hưng, Lộc Thái, Lộc Thiện, TT Lộc Ninh, Lộc Tấn	14.138,00	14.138,00			Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	
2	Tượng Đài chiến thắng Sư đoàn 9, Quân đoàn 4	2,00	CLN	Xã Lộc Tấn	1.200,00			1.200,00	Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND tỉnh	Đổi tên từ dự án Tượng đài chiến thắng Hoa Lư
3	Nâng cấp ĐT-756	16,37	CLN, ONT	Xã Lộc Quang, Lộc Phú, Lộc Hiệp	4.893,00			4.893,00	QĐ số 2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh	
4	Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn tới Cửa khẩu Hoa Lư (dài 13 km)	8,07	CLN, ONT	Xã Lộc Hòa, Lộc Thạnh, Lộc Tấn	7.722,00			7.722,00	Công văn số 2746/UBND-TH ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh	



STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
5	Đường tránh khu di tích Tà Thiết	8,40	CLN , RSX	Xã Lộc Thành, Lộc Thịnh	1.206,00			1.206,00	Thông báo số 205/TB-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh	
6	Nâng cấp mở rộng đường từ Ngã Ba Đồng Tâm -Tà Thiết	55,74	CLN, ONT	Xã Lộc Thành, Lộc Thịnh, Lộc Hưng	11.267,00	11.267,00			Thông báo số 205/TB-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh	
7	Công trình trạm biến áp 110KV Hoa Lư	0,67	RSX, CLN	Xã Lộc Thạnh	133,00	133,00			Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 11/03/2019 của UBND tỉnh	
8	CTr đường dây 110KV nhánh rẽ đầu nối trạm 110KV Hoa Lư	0,74	CLN	Các xã Lộc Thuận;Lộc Hiệp;Lộc An;Lộc Tấn;;Lộc Hòa;Lộc Thạnh	186,00	186,00			Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 11/03/2019 của UBND tỉnh	
9	Đường phía tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	73,72	CLN, ONT, RSX	Xã Lộc Thiện, Lộc Thịnh; Lộc Thành, Lộc Tấn	7.783,00	7.783,00			Theo Văn bản số 533/BQLDA-KHPTH ngày 12/9/2019 về đề nghị bổ sung KHSD đất năm 2019	
10	Đất cho Cty TNHH TM DV Xử lý Môi trường Khai Tiến Phát xây dựng Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại, sản xuất gia công tái chế kim loại	49,00	CLN, RSX	Xã Lộc Thạnh	8.820,00	8.820,00			Văn bản số 1185/UBND-KT ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh; Công văn 3203/UBND-KT ngày 30/10/2019	Giảm quy mô so với Nghị quyết 27/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
11	Cty Cổ phần du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Vcom	300,00	RSX	Xã Lộc Thạnh	69.000,00	69.000,00			Văn bản số 1185/UBND-KT ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh;	
12	Hồ chứa nước	10,00	CLN	TT. Lộc Ninh	50.000,00	50.000,00			Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	Đang xây dựng dự toán chi tiết
13	Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng trung tâm hành chính, khu thương mại dịch vụ, khu dân cư thị trấn Lộc Ninh	37,55	CLN	TT. Lộc Ninh	9.763,00	9.763,00			Theo CV số 250/HĐTVCSVN-KHĐT của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam về việc thỏa thuận địa điểm để thực hiện quy hoạch dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng Trung tâm hành chính, Khu TMDV, khu dân cư thị trấn Lộc Ninh	Đất của Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh
14	Mở rộng đường ấp 9 Lộc Điền	3,50	CLN	Xã Lộc Điền	875,00		875,00		Nghị quyết 27/NQ-HĐND Ngày ngày 19/12/2019 của HĐND tỉnh	
15	Đường Sóc Bà Bom-đi lâm trường	2,00	CLN, LUK (0,2 ha)	Xã Lộc Hòa	500,00		500,00		Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 11/03/2019 của UBND tỉnh	
16	Trạm bơm ấp Việt Quang	0,01	CLN	Xã Lộc Quang	2,00		2,00		Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	
17	Hệ thống kênh tưới thuộc khu tưới hồ Bù Kal	9,80	CLN, ONT	Xã Lộc Hòa, xã Lộc An	8.199,00			8.199,00		

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
18	Hệ thống kênh tưới thuộc khu tưới hồ Suối Nuy	9,00	CLN, ONT	xã Lộc Hòa	7.530,00			7.530,00	Công văn số 76a/HDND-KT ngày 31/3/2017 của HDND tỉnh	
19	Hệ thống kênh tưới thuộc khu tưới hồ Lộc Quang	4,50	CLN, ONT	xã Lộc Quang	3.765,00			3.765,00		
20	Trụ sở ấp 11B mới	0,30	CLN	Xã Lộc Thiện	180,0		180,0		Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 11/03/2019 của UBND tỉnh	Đất Cty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh
21	Mở rộng tiểu học Lộc Tấn B	1,00	CLN	Xã Lộc Tấn	230,0		230,0		Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	Đất Cty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh
22	Trường MG Họa Mi	1,00	CLN	Xã Lộc Thái	230,0		230,0		Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND tỉnh	Vị trí mới
23	Trường MG ấp 9 Lộc Điền+ nhà VH ấp 9	1,22	CLN	Xã Lộc Điền	306,0		306,0		Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND tỉnh	
24	Khu văn hóa thể thao	1,00	CLN	Xã Lộc Tấn	230,0		230,0		Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	
25	Nhà Văn hoá ấp 8	0,30	CLN	Xã Lộc Hòa	69,00	69,00			Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND tỉnh	Đất Cty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
26	Khu xử lý chất thải tập trung của huyện	40,00	CLN, RSX	Xã Lộc Thạnh	2.000,00	2.000,00			Văn bản số 1185/UBND-KT ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh;	Bao gồm quỹ đất xây dựng các công trình phụ trợ 17,18ha.
27	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Thịnh	3,20	RSX	Xã Lộc Thịnh	576,00	576,00			Công văn số 3674/UBND-NC ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh	Đất do Ban QLRPH Tà Thiết quản lý
28	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Thành	4,00	RSX	Xã Lộc Thành	720,00	720,00			Công văn số 3674/UBND-NC ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh	Đất của Ban QLRPH Tà Thiết
29	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Thiện	2,00	RSX	Xã Lộc Thiện	360,00	360,00			Công văn số 3674/UBND-NC ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh	Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh
30	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Hòa	8,00	RSX	Xã Lộc Hòa	1.440,00	1.440,00			Công văn số 3674/UBND-NC ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh	Đất do Ban QLRPH Lộc Ninh quản lý
b	Các dự án phát sinh mới từ năm 2021	1.302,50								
1	Dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Lê Đại Nam	425,00	RSX	Xã Lộc Thạnh	76.500,00			76.500,00	Công văn 2584/UBND-KT ngày 04/8/2017; Công văn 1012/BQL-QHXDTNMT ngày 08/10/2020 của Ban quản lý khu kinh tế	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
2	Dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Lư	404,00	RSX	Xã Lộc Tấn, Lộc Thạnh	72.720,00			72.720,00	Công văn 2584/UBND-KT ngày 04/8/2017; Công văn 1012/BQL-QHXDTNMT ngày 08/10/2020 của Ban quản lý khu kinh tế	Đất Ban QLRPH Lộc Ninh quản lý (lộc Thạnh 309 ha; L Tấn 95ha)
3	Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH MTV XNK Tổng hợp Bình Dương	40,00	RSX	Xã Lộc Tấn	7.200,00			7.200,00	Công văn 2365/UBND-KTN ngày 29/7/2015 của UBND tỉnh; Công văn 1012/BQL-QHXDTNMT ngày 08/10/2020 của Ban quản lý khu kinh tế	Ban Quản lý Khu kinh tế Đăng ký
4	Dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp trong Khu kinh tế	330,00	RSX	Xã Lộc Thạnh	59.400,00			59.400,00	Công văn 1185/UBND-KT ngày 07/5/2019; Công văn 1012/BQL-QHXDTNMT ngày 08/10/2020 của Ban quản lý khu kinh tế	
5	Khu dân cư ấp K57, xã Lộc Tấn	20,00	LNC	xã Lộc Tấn	12.000,0		12.000,0			Đất Ban quản lý Khu kinh tế
6	Khu Trung tâm hành chính, thương mại dịch vụ và dân cư ấp 6A, 5B, 5C xã Lộc Tấn	20,00	LNC	xã Lộc Tấn						Đất Công ty Cao su
7	Khu dân cư khu phố Ninh Thuận	10,00	LNC	TT. Lộc Ninh	6.000,00		6.000,00			Đất Công ty Cao su

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
8	Khu Trung tâm thương mại – dịch vụ, dân cư khu phố Ninh Thịnh	3,00	CAN, GDC, TSC	TT. Lộc Ninh						Đất trụ sở Công an huyện, Trường Mẫu giáo Sao Mai, Nhà khách UB
9	Khu TMDV – Dân cư khu phố Ninh Thái	3,00	DQP, TSC	TT. Lộc Ninh						Đất trụ sở Hạt Kiểm Lâm, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh
10	Khu thương mại dịch vụ Kp. Ninh Thịnh	3,00	GDC	TT. Lộc Ninh						Đất trường cấp 3 Lộc Ninh cũ
11	Khu dân cư, thương mại TT. Lộc Ninh	5,00	CAN	TT. Lộc Ninh						Đất giao cho Công an huyện xây trụ sở gần bệnh viện
12	Điểm dân cư liên kề Chốt dân quân Lộc Thiện	5,00	RSX	Lộc Thiện	900,0	900,0				BCH Quân sự Đăng ký CV 1147/BC-BCH ngày 03/11/2020

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
13	Điểm dân cư liền kề Chốt dân quân Lộc Hòa	5,00	LNC	Lộc Hòa	3.000,0	3.000,0				BCH Quân sự Đăng ký CV 1147/BC-BCH ngày 03/11/2020, Đất dự án 1592
14	Điểm dân cư liền kề Chốt dân quân Lộc An	2,50	RSX	Lộc An	450,0	450,0				BCH Quân sự Đăng ký CV 1147/BC-BCH ngày 03/11/2020, Đất Ban QLRPH Lộc Ninh
15	Thao trường huấn luyện Đại đội Bộ binh 31	4,00	LNC	Lộc An	2.400,0	2.400,0				BCH Quân sự Đăng ký CV 1147/BC-BCH ngày 03/11/2020
16	Mở rộng nghĩa địa ấp 5B-5C	3,0	LNC	Lộc Tấn	1.800,0		1.800,0			Đất Công ty Cao su
17	Khu dân cư ngã tư Mũi Tôn, ấp Măng Cải, xã Lộc Thiện	20,00	LNC	xã Lộc Thiện	12.000,00		12.000,00			Đất Công ty Cao su
Tổng		18.805,35								

Ghi chú (*):

CLN: Đất trồng cây lâu năm

RSX: Đất trồng rừng sản xuất

ONT: Đất ở tại nông thôn

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		

ODT: Đất ở tại đô thị

TSC: Đất xây dựng trụ sở cơ quan

TON: Đất cơ sở tôn giáo

DGD: Đất cơ sở giáo dục đào tạo

DGT: Đất giao thông

NTS: Đất nuôi trồng thủy sản

SON: Đất sông suối và MNCD

SKK: Đất Khu công nghiệp

MNC: Đất mặt nước chuyên dùng

DCH: Đất chợ

DTT: Đất thuê dục, thể thao

RDD: Đất rừng đặc dụng

DYT: Đất y tế

HNK: Đất trồng cây hành năm khác

LUK: Đất trồng lúa

CAN: Đất an ninh

Phụ lục 02: CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22 /2020/NQ-HDND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Tên dự án/Chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Loại đất CMĐ	Sử dụng sang loại đất	Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Thành phố Đồng Xoài	40,80					
1	Đường Trường Chinh (đoạn từ QL14 đến đường vành đai KCN Đồng Xoài III; dài khoảng 3km)	4,00	LUK	DGT	Tân Bình	Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã (nay là UBND thành phố Đồng Xoài)	
2	Khu du lịch Hồ Suối Cam (giai đoạn 2)	4,00	LUK	DGT+CÁC LOẠI ĐẤT KHÁC	Tân Phú, Tiến Thành	Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 15/6/2018; Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 6/6/2019 của UBND tỉnh	
3	Đường vành đai thành phố Đồng Xoài	3,50	LUK	DGT	Tân Bình, Tiến Thành, Tân Thành, Tân Xuân, Tân Thiện, Tân Đồng	Quyết định 1592/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài	
4	Khu dân cư và hồ điều hòa phường Tân Thiện	4,00	LUK	DGT VÀ CÁC LOẠI ĐẤT KHÁC	Tân Thiện	Quyết định 1939/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND thành phố Đồng Xoài	
5	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	3,00	LUK	DGT	Tiến Thành, Tiến Hưng	Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh; Văn bản số 142/BQLDA-KHTH ngày 15/8/2018 của Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh	
6	Khu dân cư Hùng Vương (Công ty TNHH MTV Bất động sản Hùng Vương)	2,50	LUA	Đất ở và các loại đất khác	Tiến Hưng	Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh; Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh; Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh;	



7	Hộ gia đình, cá nhân (08 phường - xã)	9,90	LUK	Đất ở và các loại đất khác	Tân Bình, Tiến Thành, Tân Thành, Tân Xuân, Tân Thiện, Tân Đồng, Tân Phú, Tiến Hưng		
8	Khu đô thị mới và Công viên trung tâm Đồng Xoài	9,90	LUK	Đất ở và các loại đất khác	Tân Bình	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định 459/QĐ-UBND ngày 07/3/2017; Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 21/02/2018 của UBND tỉnh	
9	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài I	0,68	LUC	DTL	Tân Thành	Quyết định số 2287/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh	
II	Huyện Bù Gia Mập	6,00					
1	Xây dựng đập làm hồ nước cung cấp cho TTHC huyện và đường đầu nối tuyến đường ĐT 760 chạy qua TTHC	6,00	LUC	DTL	Phú Nghĩa	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/07/2020	
III	Huyện Bù Đăng	8,30					
1	Dự án: Mở rộng Trường bán tại thôn 7, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (giai đoạn 3)	8,30	LUC	DQP	Đoàn Kết	Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 25/4/2012 của UBND tỉnh Bình Phước	
IV	Huyện Đồng Phú	0,10					
1	Cửa hàng xăng dầu - Công ty TNHH MTV Minh Hiếu	0,10	LUC	TMD	xã Tân Hưng	QĐ CTĐT số 1376/QĐ-UBND ngày 14/6/2018	
V	Huyện Lộc Ninh	0,20					
1	Đường Sốc Bà Bom-đi lâm trường	0,20	LUK	ĐGT	Lộc Hòa	Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 11/03/2019 của UBND tỉnh	
VI	Huyện Hớn Quản	6,50					
1	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương	6,50	LUC	DTL	An Khương	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh, Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh	



VII	Huyện Bù Đốp	7.28					
1	Đập Bù Tam	7.28	LUC	DTL	Xã Hưng Phước	QĐ số 4427/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017 bộ NNPTNT	
Tổng		69.18					

Phụ lục 03: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ 03 NĂM CHƯA THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22 /2020/NQ-HDND ngày 10 tháng 1 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Hạng mục	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi	Địa điểm (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)	Ghi chú
						Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW,...)		
I	Huyện Bù Đăng	81,25								
1	Nghĩa địa xã Bình Minh	2,44	CLN	Bình Minh					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
2	Xây dựng Trụ sở mới thôn 5	0,17	CLN	Bom Bo					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
3	Xây dựng Trường cấp 3 Ngô Gia Tự	2,00	CLN	Bom Bo					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
4	Trường mẫu giáo Hoa Hồng	0,02	DVH	Đắk Nhau					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
5	Trạm biến áp và hành lang đường điện đầu nối thủy điện Đak Glun 2	3,12	CLN	Đắk Nhau					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
6	Nghĩa địa thôn 3	1,00	CLN	Đăng Hà					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
7	Nghĩa địa thôn 3	1,00	CLN	Đăng Hà					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
8	Cửa xả, mương, cống thuộc dự án QL14	0,03	CLN	Đoàn Kết					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	

9	Nhà văn hóa thôn 8	0,12	CLN	Đoàn Kết					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
10	Trạm biến áp 110 kV Đức Liễu và đường dây	0,75	CLN	Đức Liễu					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
11	Cửa xả, mương, cống thuộc dự án QL14	0,03	CLN	Đức Liễu					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
12	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ	1,20	CLN	Đức Liễu					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
13	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ	1,20	CLN	Đức Liễu					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
14	Khu dân cư VH-GD	0,88	HNK	Đức Phong					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
15	Mương dẫn dòng đường Điều Ong	0,01	CLN	Đức Phong					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
16	Cửa xả, mương, cống thuộc dự án QL14	0,03	CLN	Đức Phong					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
17	Nhà văn hóa Thôn 4	0,33	CLN	Đường 10					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
18	Đường điện 220 Kv thôn 4 Minh Hưng	1,00	CLN	Minh Hưng					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
19	Cửa xả, mương, cống thuộc dự án QL14	0,03	CLN	Minh Hưng					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
20	Cửa xả, mương, cống thuộc dự án QL14	0,03	CLN	Nghĩa Bình					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	

21	Nhà văn hóa thôn Bình Trung	0,10	CLN	Nghĩa Bình					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
22	Cửa xả, mương, cống thuộc dự án QL14	0,03	CLN	Nghĩa Trung					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
23	Sân vận động thôn 6	0,30	CLN	Nghĩa Trung					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
24	Quy hoạch bãi rác	2,00	CLN	Nghĩa Trung					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
25	Mở rộng Trường tiểu học Sơn Phú	0,50	CLN	Phú Sơn					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
26	Nhà văn hóa thôn Sơn Phú	0,04	CLN	Phú Sơn					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
27	Cửa xả, mương, cống thuộc dự án QL14	0,03	CLN	Phú Sơn					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
28	Trường Mẫu giáo Hướng Dương	0,50	CLN	Phú Sơn					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
29	Tuyến trần và cống lấy nước xã Phú Sơn	0,50	CLN	Phú Sơn					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
30	Mở rộng mẫu giáo Hướng Dương	0,30	CLN	Phú Sơn					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
31	Bãi rác Phước Sơn	1,29	CLN	Phước Sơn					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
32	Nhà văn hóa thôn Sơn Lập	0,50	CLN	Thọ Sơn					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	

33	Nhà văn hóa thôn Sơn Lợi	0,13	CLN	Thọ Sơn					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
34	Cửa xả, mương, cống thuộc dự án QL14	0,03	CLN	Thọ Sơn					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
35	Sân vận động Sơn Thủy	1,20	CLN	Thọ Sơn					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
36	Sân vận động xã Thọ Sơn	1,20	CLN	Thọ Sơn					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
37	Khu dân cư Sơn Lợi	1,00	CLN	Thọ Sơn					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
38	Mở rộng trường THCS Thống Nhất	0,30	CLN	Thống Nhất					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
39	Vùng lõi công trình quân sự	30,00	CLN	Thống Nhất					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
40	Nhà máy thủy điện Thống Nhất	17,00	CLN	Thống Nhất					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
41	Trường mẫu giáo Sơn Ca	0,93	CLN	Thống Nhất					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
42	Sân bóng xã Thống Nhất	1,00	CLN	Thống Nhất					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
43	Nhà văn hóa thôn 3	0,50	CLN	Thống Nhất					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
44	Mở rộng mẫu giáo Anh Đào	0,50	CLN	Thống Nhất					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	

45	GPMB, rà phá bom mìn làm cầu dân sinh (LRAMP)	0,30	CLN, NTS, ONT	Thống Nhất					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
46	Sân bóng xã Thống Nhất	1,00	CLN	Thống Nhất					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
47	Mở rộng trường THCS Thống Nhất	1,00	CLN	Thống Nhất					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
48	Mở rộng Nghĩa trang thôn 2	3,70	CLN	Thống Nhất					Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
II	Huyện Chơn Thành	180,43								
1	Đất SXKD khu mở rộng Minh Hưng - Hàn Quốc	5,000	CLN	Xã Minh Hưng					Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)	
2	NVH ấp 1, ấp Hòa Vinh 2	0,050	CLN	Xã Thành Tâm					Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)	
3	Khu đất tạo vốn đối ứng dự án đường Minh Hưng - Đồng Nơ	13,960	CLN	Xã Thành Tâm					Đã được HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)	
4	Khu chợ đầu mối, TTTM và Khu dân cư Chơn Thành	161,420	ODT+CLN	TT. Chơn Thành					UBND tỉnh đã thu hồi chủ trương đầu tư: 1324/UBND-TH ngày 20/05/2019	
III	Huyện Phú Riềng	52,49								

1	Khu căn cứ hậu phương vùng lõi	30,00	CLN	Long Tân					NQ số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh BP, vv Thông qua danh mục thu hồi đất năm 2020 và hủy danh mục các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh BP, QĐ 880/QĐ-BTL QK7 ngày 30/4/2018 vv QH vị trí đóng quân Căn cứ hậu cần kỹ thuật BCHQS huyện Phú Riềng, CV538-BCH-TM ngày 09/7/2019	
2	Khu dân cư xã Long Tân	0,09	CLN	Long Tân					NQ số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh BP, QĐ 1907/QĐ-UBNDT ngày 04/8/2017	
3	Đường Long Hưng - Phước Bình	22,40	DGT, CLN	Long Hưng, Bình Sơn					NQ số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh BP	
IV	Huyện Hớn Quản	95,68								
1	Khu xử lý chất thải rắn	35,000	CLN	Xã Minh Tâm					Công văn số 4164 ngày 07/12/2017 của UBND tỉnh	
2	Nhà máy xi măng Minh Tâm (giai đoạn 1) - Hạng mục mở vật liệu trạm đập	60,680		Xã Minh Tâm					Công văn số 676 ngày 28/3/2016 của UBND tỉnh	
V	Thị xã Bình Long	11,03								
1	Đường Thanh Xuân - Thanh Sơn	1,20	CLN	Thanh Phú					QĐ 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
2	Cải tạo chợ Bình Long	0,30	ODT	Phường An Lộc					Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	

3	Mương từ đường bê tông đến đường ĐoànThị Điểm - ĐT 752	0,04	CLN	Phường An Lộc				Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
4	Đường Bùi Thị Xuân nối dài (320m)	0,34	CLN, HNK	Phường An Lộc				Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
5	Chợ Thanh Lương	0,79	CLN	Xã Thanh Lương	174		174	Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
6	Trường PTTH Nguyễn Huệ	6,00	CLN	Xã Thanh Phú	1.320	1.320		Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017	
7	Đường giao thông và khuôn viên cây xanh	0,50	CLN	Phường An Lộc	0			Thửa số 444, tờ 1	
8	Đường giao thông và khuôn viên cây xanh	0,66	CLN	Phường Hưng Chiến	0			Thửa số 9, tờ 54; thửa số 29, tờ 55	
9	Trung tâm Văn hóa xã Thanh Phú	2,00	CLN	Xã Thanh Phú	550		550		
10	Đường mương song song đường ALT13 khu phố An Bình qua thửa 223;224;232;237;240 tờ số 23	0,02	CLN	Phường An Lộc	9		9	Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
11	Mương từ đường bê tông đến đường ĐoànThị Điểm - ĐT 752	0,04	CLN	Phường An Lộc	18		18	Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
12	Đường Bùi Thị Xuân nối dài (320m)	0,34	CLN, HNK	Phường An Lộc	99		99	Quyết định 329/QĐ - UBND ngày 12/02/2017	
VI	Huyện Bù Đốp	12,60							
1	Mở rộng trường mẫu giáo Phước thiện	0,6	LNC	Phước Thiện				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	
2	Di dời trường THCS Phước Thiện	1	LNC	Phước Thiện				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	
3	Mở rộng trường mẫu giáo Hưng Phước	0,2	LNC	Hưng Phước				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	
4	Mở rộng trường THCS Hưng Phước	0,5	LNC	Hưng Phước				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	

5	Sân vận động Phước thiện	2	LNC	Phước Thiện					QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSĐĐ 2020	
6	Nghĩa địa Hưng Phước	5	LNC	Hưng Phước					QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSĐĐ 2020	
7	Nghĩa địa Tân Tiến	3,3	LNC	Tân Tiến					QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSĐĐ 2020	
Tổng		433,48								